



**Bộ Ngoại giao
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ**



**Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam**

BÁO CÁO CỦA

NHÓM CHUYÊN TRÁCH

GIÁO DỤC VIỆT NAM - HOA KỲ

Tháng 9 - 2009

BÁO CÁO
CỦA NHÓM CHUYÊN TRÁCH GIÁO DỤC VIỆT NAM – HOA KỲ
NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2009

Mục lục

Tóm tắt Báo cáo	2
• Bối cảnh	2
• Những khuyến nghị chính	3
• Hành động tiếp theo	4
Giới thiệu chung	6
Thành viên Nhóm Chuyên trách và đại diện phía Hoa Kỳ	7
Thành viên Nhóm Chuyên trách, Nhóm Tư vấn và Tổ Thư ký phía Việt Nam	8
Khuyến nghị đối với các lĩnh vực chính	10
I. Khuyến khích tăng cường quan hệ hợp tác và liên kết đào tạo sâu hơn giữa các trường đại học của Hoa Kỳ và Việt Nam	10
A. Lộ trình thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ ở Việt Nam	10
B. Chương trình tiên tiến của Việt Nam	14
C. Các bước làm rõ và đơn giản hoá thủ tục thiết lập chương trình mới ở Việt Nam	16
II. Tăng số lượng sinh viên Việt Nam học tại các trường đại học Hoa Kỳ, đặc biệt là nghiên cứu sinh tiến sỹ	17
Chương trình tiên sỹ cho sinh viên Việt Nam	17
III. Đẩy mạnh chương trình hỗ trợ sinh viên Việt Nam có kỹ năng cần thiết phục vụ nền kinh tế đang trong quá trình hiện đại hoá ở Việt Nam	19
A. Các kỹ năng và kiến thức cơ bản	19
B. Đào tạo tiếng Anh	21
C. Kiểm định và khảo thí	23
D. Quan hệ đối tác giữa trường đại học và doanh nghiệp	25
Phụ lục	
• Biên bản ghi nhớ về thành lập Nhóm chuyên trách	26
• Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 1: Lộ trình thành lập trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ tại Việt Nam	28
• Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 2: Chương trình tiên tiến của Việt Nam	32
• Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 3: Chương trình tiên sỹ cho sinh viên Việt Nam	40
• Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 4: Đào tạo tiếng Anh	44
• Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 5: Kiểm định và khảo thí	47
• Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 6: Quan hệ đối tác giữa trường đại học và doanh nghiệp	49

TÓM TẮT BÁO CÁO

Nhóm Chuyên trách về giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ được thành lập vào tháng 6 năm 2008 theo *Biên bản ghi nhớ* giữa đại diện Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ. Nhiệm vụ của Nhóm Chuyên trách là đến tháng 01 năm 2009 đưa ra các khuyến nghị cho Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ về việc nâng cao quan hệ hợp tác giáo dục đại học, đặc biệt trong ba lĩnh vực chủ yếu là:

1. Khuyến khích tăng cường quan hệ hợp tác và liên kết đào tạo sâu hơn giữa các trường đại học của Hoa Kỳ và Việt Nam;
2. Tăng số lượng sinh viên Việt Nam học tại các trường đại học Hoa Kỳ, đặc biệt sinh viên học tiến sỹ; và
3. Thúc đẩy các chương trình đào tạo được thiết kế giúp sinh viên Việt Nam có được kỹ năng cần thiết phục vụ cho công cuộc hiện đại hoá nền kinh tế Việt Nam.

Nhóm Chuyên trách bao gồm các đại diện cao cấp của Chính phủ hai nước, cán bộ cao cấp trong ngành giáo dục đại học của hai nước và đại diện của doanh nghiệp. Nhóm Chuyên trách cũng tập hợp 6 Ban Tư vấn về các vấn đề trọng tâm nhằm huy động kinh nghiệm chuyên môn và cung cấp thông tin đầu vào cho Nhóm trong quá trình xây dựng khuyến nghị.

Bối cảnh

Ngoài những khuyến nghị cụ thể cho ba lĩnh vực chính được trình bày tóm tắt dưới đây và chi tiết trong các phần sau của Báo cáo, Nhóm Chuyên trách về giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ cũng đề cập đến một số vấn đề ở phạm vi rộng lớn hơn để hiểu rõ thêm những khuyến nghị nhằm tăng cường sự hiểu biết và hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực giáo dục đại học.

Thứ nhất, Nhóm Chuyên trách nhất trí cao về tầm quan trọng của việc tăng cường hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học, tạo điều kiện tốt cho sinh viên, giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong tất cả các bậc đào tạo, các lĩnh vực và cơ sở đào tạo của cả hai nước, góp phần tăng cường sự hiểu biết và tình hữu nghị lâu dài giữa nhân dân hai nước Hoa Kỳ và Việt Nam.

Thứ hai, Nhóm Chuyên trách xác định sự cần thiết cần phải hiện đại hoá nền giáo dục đại học Việt Nam, bao gồm các đổi mới cơ bản về quản trị đại học, tự chủ của các cơ sở đào tạo, tài chính và quản lý, tuyển dụng giảng viên, cơ cấu lương và đề bạt, cũng như chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu. Theo quan điểm của Nhóm Chuyên trách, những thay đổi này không chỉ cần thiết để chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức phù hợp với thị trường lao động, những kỹ năng cơ bản để họ tìm được việc làm trong nền kinh tế đang trong quá trình hiện đại hoá của Việt Nam, mà việc cải cách giáo dục một cách cơ bản và hệ thống là điều không thể thiếu để tạo ra một môi trường đào tạo tốt cho sự hợp tác lâu dài, bền vững giữa các trường đại học và cao đẳng của Hoa Kỳ và Việt Nam.

Thứ ba, Chính phủ Việt Nam phải là chủ thể của quá trình hiện đại hoá và đổi mới giáo dục đại học, và là nguồn cung cấp tài chính cho quá trình này ở Việt Nam. Trong quá trình đổi mới sẽ cần

có sự tư vấn và hợp tác của các chuyên gia nước ngoài trong đó có Hoa Kỳ ở các lĩnh vực giáo dục khác nhau, nhưng việc tham gia của họ sẽ chỉ mang lại những đổi mới có tính hệ thống nếu như có được sự hỗ trợ một cách tích cực của Chính phủ hai nước.

Thứ tư, các khuyến nghị của Báo cáo này sẽ mang lại lợi ích trong môi trường cạnh tranh quốc tế nhờ có sự cam kết tăng cường hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học của Chính phủ hai nước. Tuy nhiên các cơ sở giáo dục đại học của Hoa Kỳ, vốn có tính tự chủ rất cao, cũng như khu vực doanh nghiệp tư nhân mang tính độc lập, giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp chuyên môn và nguồn lực để duy trì mối quan hệ giáo dục đại học, sẽ chỉ đầu tư khi họ nhận thấy mối quan hệ đối tác đôi bên cùng có lợi.

Thứ năm, Nhóm Chuyên trách hiểu rõ là còn nhiều thách thức ở phía trước và cần phải có sự tham gia của các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ trong các lĩnh vực, ngành, cơ sở khác nhau. Chính vì vậy cần phải làm rõ những gì cần phải làm ngay, những gì cần phải kiên trì, những gì có thể thực hiện được trước mắt và những gì cần phải có thời gian mới đạt được.

Thứ sáu, các khuyến nghị này có liên quan chặt chẽ với nhau và kết quả của một lĩnh vực này sẽ phụ thuộc vào tiến triển của các lĩnh vực khác. Giáo dục đại học là một hệ thống phức tạp trong bất kỳ một xã hội nào và nó bao gồm nhiều bộ phận cấu thành có liên quan đến nhau.

Những khuyến nghị chính

1. Cần phải sớm làm rõ và đơn giản hoá quy trình cần thiết cho việc hợp tác có hiệu quả hơn giữa các cơ sở giáo dục đại học của Hoa Kỳ và đối tác của họ ở Việt Nam.
2. Các cơ sở đào tạo của Việt Nam cần được trao quyền tự chủ cao hơn với trách nhiệm giải trình lớn hơn trong sự hợp tác giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam và Hoa Kỳ. Ngoài ra cần có những cải thiện mang tính hệ thống và lâu dài thông qua các Chương trình tiên tiến. Để duy trì được hợp tác với các cơ sở đào tạo của Hoa Kỳ, các quan hệ đối tác phải hoạt động một cách minh bạch hơn, linh hoạt hơn và có sự hỗ trợ được dự báo trước một cách có hệ thống hơn.
3. Để thu hút được các trường đại học và khu vực doanh nghiệp tư nhân Hoa Kỳ đầu tư vào việc xây dựng thành công một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ ở Việt Nam, cần phải chuẩn bị cho họ có được một tầm nhìn mang tính thực tiễn và có lợi cho cả hai bên cũng như cam kết về quản trị, tự chủ, trách nhiệm giải trình, tài chính, hoạt động, đào tạo và chất lượng như được xác định trong báo cáo của các ban tư vấn (xem phụ lục). Cần xác định một hoặc một nhóm các trường đại học có tiềm năng đứng ra chủ trì xây dựng kế hoạch chiến lược với lộ trình phù hợp nhằm đạt được kết quả lâu dài như mong đợi. Nhóm Chuyên trách khuyến nghị bước thứ nhất là nên tập trung vào việc thành lập một trường đại học định hướng nghiên cứu theo mô hình đại học Hoa Kỳ, đào tạo ở trình độ đại học.
4. Việc tăng số lượng nghiên cứu sinh Việt Nam sang học tại Hoa Kỳ đòi hỏi phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ các bậc đại học và bậc thạc sĩ nhằm tạo ra những ứng cử viên có khả năng học tập thành công tại các trường đại học ở Hoa Kỳ. Để tạo ra một đội ngũ ứng cử viên giỏi cho trình độ nghiên cứu tiến sĩ, các chương trình đào tạo cho bậc thạc sĩ nên được phát triển phù hợp. Để thu hút được những người được đào tạo tại Hoa Kỳ trở về Việt Nam giảng dạy và nghiên cứu, qua đó tăng cường năng lực nghiên cứu trong nước cũng như hệ thống giáo dục đại học, cần phải có những đổi mới nhằm tạo ra môi trường giảng dạy và nghiên cứu phong phú, cởi mở.

5. Đảm bảo chất lượng đào tạo là một điều kiện tiên quyết để Chính phủ, các quỹ, doanh nghiệp hay các nguồn khác xác định mức hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục đại học. Việc thiết lập một quy trình kiểm định chất lượng độc lập, trong đó việc công nhận chất lượng các chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo được dựa trên các đánh giá đồng cấp một cách khách quan, minh bạch là một bước đi hữu hiệu để tiến tới việc có được chất lượng đào tạo được thế giới công nhận.

6. Thông qua một kế hoạch quốc gia hiệu quả để phát triển các kỹ năng tiếng Anh cần thiết nếu Việt nam muốn cạnh tranh thành công trong nền kinh tế toàn cầu và thu hút đầu tư nước ngoài. Kế hoạch này sẽ cần phải có sự tham gia hợp tác của các cơ sở giáo dục quốc tế và cộng đồng doanh nghiệp.

7. Các doanh nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận phải tham gia trực tiếp, thường xuyên nhằm thúc đẩy hợp tác hiệu quả hơn nữa giáo dục đại học giữa hai nước. Trao đổi thường xuyên và mạnh mẽ hơn nữa giữa các trường đại học Việt Nam với các doanh nghiệp là yếu tố trọng tâm để thúc đẩy mối quan tâm chung là xây dựng một lực lượng lao động có trình độ, có kỹ năng cần thiết để cạnh tranh trong nền kinh tế đang trong quá trình hiện đại hoá của Việt Nam.

Hành động tiếp theo

Trong Báo cáo này, Nhóm Chuyên trách đưa ra những nhận xét và khuyến nghị về những lĩnh vực đã nêu trong *Biên bản ghi nhớ* ký giữa đại diện hai Chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ. Tuy nhiên Báo cáo này không phải là kết luận cuối cùng mà thực ra là gợi mở sự tiếp tục thảo luận, theo dõi, trao đổi, tham gia giữa các đối tác nhà nước và tư nhân, và các bên liên quan khác. Nhóm Chuyên trách tin rằng một số vấn đề cần được tiếp tục trao đổi thêm, vì vậy cần duy trì hoạt động của một số nhóm tư vấn tương tự như các tiểu ban tư vấn đã được thành lập và hỗ trợ cho Nhóm Chuyên trách viết báo cáo, sau khi Nhóm Chuyên trách giải thể vào tháng 9 năm 2009. Những nhóm tư vấn này có thể là:

- Nhóm tư vấn đề chi tiết hoá lộ trình thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ, kể cả việc tư vấn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo đề án thành lập trường để có thể thu hút được sự quan tâm của các trường đại học đối tác và các nhà tài trợ tiềm năng của Hoa Kỳ.
- Nhóm tư vấn về hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm xác định những bước đi cần thiết đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế Việt Nam về nguồn nhân công và cán bộ quản lý có kỹ năng mang tầm quốc tế.
- Nhóm tư vấn xem xét đánh giá các nguồn tài chính cần thiết như đã ghi trong khuyến nghị và lộ trình của Báo cáo này. Việc xem xét đánh giá này nhằm giúp các nhà tài trợ tiềm năng định hướng các đầu tư của họ vào các lĩnh vực còn thiếu vốn, phù hợp với quan tâm của họ, ví dụ như tăng cường Chương trình tiên tiến, mở rộng chương trình đào tạo tiếng Anh hoặc đầu tư xây dựng một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ ở Việt Nam. Cách làm như vậy có thể lôi cuốn doanh nghiệp tư nhân đầu tư cho ngành giáo dục trong các dự án cụ thể và mang lại các kết quả có thể đo lường được.

- Nhóm tư vấn về đổi mới cơ chế, chính sách đảm bảo cho các bên hiểu rõ hơn loại hình đổi mới mà hệ thống giáo dục của Việt Nam đang cần nhằm tăng cường hợp tác giáo dục đại học với Hoa Kỳ, và lộ trình cần thiết cho các đổi mới này.

Trong quá trình thảo luận, các thành viên của Nhóm Chuyên trách đề xuất sử dụng các chương trình trao đổi giáo dục của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ nhằm tạo ra các kết quả góp phần thực hiện các khuyến nghị ghi trong Báo cáo này. Các nỗ lực đó bao gồm việc gửi các giáo sư Hoa Kỳ sang Việt Nam đào tạo giảng viên hoặc cải tiến công tác quản lý trường đại học, hoặc tổ chức các chương trình trao đổi cán bộ chuyên môn giúp Việt Nam thành lập các cơ quan kiểm định và khảo thí giáo dục. Để thực hiện công việc này, Nhóm Chuyên trách khuyến nghị tổ chức một đoàn chuyên gia giáo dục của Hoa Kỳ sang Việt Nam làm việc với Đại sứ quán Hoa Kỳ và Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng một kế hoạch nhằm phát huy tối đa hiệu quả của các chương trình trao đổi này.

Trân trọng kính trình
Ngày 30 tháng 9 năm 2009

**ĐẠI SỨ HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ
TẠI VIỆT NAM**

Michael W. Michalak



**THỨ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Phạm Vũ Luận



BÁO CÁO

CỦA NHÓM CHUYÊN TRÁCH GIÁO DỤC VIỆT NAM – HOA KỲ

GIỚI THIỆU CHUNG

Nhóm Chuyên trách Giáo dục Việt Nam – Hoa Kỳ được thành lập vào tháng 6 năm 2008 theo *Biên bản ghi nhớ* do Thứ trưởng Ngoại giao phụ trách ngoại giao công chúng, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ James K. Glassman và Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Vũ Luận ký tại trụ sở Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Washington DC, ngày 25 tháng 6 năm 2008, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng.

Nhiệm vụ của Nhóm Chuyên trách là đến tháng Giêng năm 2009 đưa ra các khuyến nghị cho Chính phủ hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ về việc nâng cao quan hệ hợp tác giáo dục đại học, đặc biệt trong ba lĩnh vực chủ yếu là:

- Khuyến khích tăng cường quan hệ hợp tác và liên kết đào tạo sâu hơn giữa các trường đại học của Hoa Kỳ và Việt Nam
- Tăng số lượng sinh viên Việt Nam học tại các trường đại học Hoa Kỳ, đặc biệt sinh viên học tiến sỹ.
- Thúc đẩy các chương trình đào tạo được thiết kế giúp sinh viên Việt Nam có được kỹ năng cần thiết phục vụ cho công cuộc hiện đại hoá nền kinh tế Việt Nam.

Sau cuộc họp đầu tiên của Nhóm Chuyên trách tại Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2008, sáu (06) Ban Tư vấn đã được thành lập bao gồm các chuyên gia và các bên liên quan trong lĩnh vực giáo dục đại học và doanh nghiệp nhằm cùng xem xét và đưa ra các khuyến nghị có liên quan đến các vấn đề (1) thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ tại Việt Nam, (2) tăng số lượng giáo viên, sinh viên Việt Nam đi học tiến sỹ ở Hoa Kỳ, (3) hỗ trợ “Chương trình tiên tiến” trong tổng thể xây dựng chương trình đào tạo ở Việt Nam, (4) nâng cao năng lực đào tạo tiếng Anh, (5) cải tiến công tác kiểm định và khảo thí, và (6) xây dựng quan hệ đối tác giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Khuyến nghị của các Ban Tư vấn đã được thảo luận trong cuộc họp thứ hai của Nhóm Chuyên trách được tổ chức ngày 18 tháng 11 năm 2008 qua hệ thống mạng truyền hình trực tiếp DVC.

Kết quả hai cuộc họp trên của Nhóm Chuyên trách cùng với cuộc họp qua điện thoại vào ngày 19 tháng 12 năm 2008 và cuộc họp cuối cùng tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 01 năm 2009 là cơ sở của Báo cáo này.

THÀNH VIÊN NHÓM CHUYÊN TRÁCH VÀ ĐẠI DIỆN PHÍA HOA KỲ

Hiệp hội các Trường Đại học Hoa Kỳ

Robert Berdahl – Thành viên
Chủ tịch

John Vaughn – Đại diện
Phó Chủ tịch điều hành

Công ty General Electric

Ferdinando “Nani” Beccalli-Falco – Thành viên
Chủ tịch kiêm Giám đốc Điều hành

Stuart L. Dean – Đại diện
Chủ tịch

Tập đoàn Intel

Craig Barrett – Thành viên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Rick Howarth – Đại diện
Tổng giám đốc
Intel Products, Vietnam

Trường Đại học Johns Hopkins

Kristina Johnson – Thành viên
Phó Chủ tịch về các Vấn đề Học thuật

Pamela Cranston – Đại diện
Phó hiệu trưởng về các chương trình quốc tế

Trường Đại học New School

Bob Kerrey – Thành viên
Chủ tịch

Ben Lee – Đại diện
Phó Giám đốc cấp cao phụ trách các vấn đề quốc tế

Đại sứ quán Hợp chúng quốc Hoa Kỳ tại CHXHCN Việt Nam

Đại sứ Michael W. Michalak (Thành viên không chính thức)

Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Cục Văn hóa Giáo dục

Goli Ameri (Thành viên không chính thức)
Trợ lý Ngoại trưởng các vấn đề Văn hoá Giáo dục

Thomas Farrell (Thành viên không chính thức)
Phó Trợ lý Ngoại trưởng các Chương trình học thuật

THÀNH VIÊN NHÓM CHUYÊN TRÁCH PHÍA VIỆT NAM

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bành Tiên Long – Trưởng nhóm
Thứ trưởng thường trực

Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trần Thị Hà – Thành viên
Vụ trưởng

Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trần Bá Việt Dũng – Thành viên
Vụ trưởng

Đại học Đà Nẵng

Bùi Văn Ga – Thành viên
Giám đốc

Trường Đại học Cần Thơ

Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên
Hiệu trưởng

THÀNH VIÊN NHÓM TƯ VẤN PHÍA VIỆT NAM

Bộ Ngoại giao

Lê Công Phụng (Thành viên không chính thức)
Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHXHCN Việt Nam tại Hoa Kỳ

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nguyễn Xuân Vang
Cục trưởng, Cục Đào tạo với nước ngoài

Nguyễn Văn Ngữ
Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch Tài chính

Bùi Mạnh Nhị
Vụ trưởng, Vụ Tổ chức Cán bộ

Nguyễn Ngọc Hùng
Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác Quốc tế

Nguyễn Thị Lê Hương
Phó Vụ trưởng, Vụ Giáo dục Đại học

Trần Văn Nghĩa
Phó Cục trưởng, Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục

TỔ THƯ KÝ CỦA NHÓM CHUYÊN TRÁCH PHÍA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lê Hương, Phó Vụ trưởng, Vụ Giáo dục Đại học, Tổ trưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nguyễn Văn Hựu, Chuyên viên chính, Vụ Giáo dục và Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Lê Đức Long, Chuyên viên chính, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Văn An, Chuyên viên chính, Vụ Châu Mỹ, Bộ Ngoại giao

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC LĨNH VỰC CHÍNH

I. KHUYẾN KHÍCH TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ HỢP TÁC VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO SÂU HƠN GIỮA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA HOA KỲ VÀ VIỆT NAM

A. Lộ trình thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ ở Việt Nam

Bối cảnh

Thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ ở Việt Nam là một ưu tiên hàng đầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo kế hoạch ban đầu, Bộ Giáo dục và Đào tạo muốn tìm các đối tác của Hoa Kỳ cung cấp cán bộ quản lý và giảng viên trong mười năm đầu, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ đầu tư vào cơ sở vật chất, có thể là thông qua khoản vay hơn 100 triệu đô-la Mỹ từ một tổ chức cho vay quốc tế. Các điểm chính trong kế hoạch ban đầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo là:

- Trường sẽ là một trường công, đa ngành theo định hướng nghiên cứu đẳng cấp quốc tế có thể so sánh với các trường tốt nhất trong khu vực và có quan hệ với các trường đại học và doanh nghiệp quốc tế.
- Đến năm 2020, Trường sẽ là một trong những trường hàng đầu ở Việt Nam và là một mô hình cho các trường đại học khác noi theo cũng như là động lực cho các trường cải tiến công tác quản lý và nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu. Trường cũng là cơ sở đào tạo cán bộ và giảng viên.
- Trường sẽ tổ chức nghiên cứu theo yêu cầu của nền kinh tế quốc dân và yêu cầu của địa phương nơi đặt trường.
- Chính phủ Việt Nam sẵn sàng cấp kinh phí để xây dựng trường và Trường thuộc về chính phủ Việt Nam.
- Trường cần có sự tham gia của các trường đại học ở Hoa Kỳ về cán bộ, giảng viên, và những hỗ trợ khác trong mười năm đầu.
- Trường sẽ sử dụng chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và phương thức quản lý theo mô hình của Hoa Kỳ. Giảng viên sẽ được tuyển lựa và đánh giá theo hình thức cạnh tranh.
- Để tăng cường sự tham gia của giảng viên Hoa Kỳ trong việc phát triển trường, trường sẽ tổ chức học kỳ hè để các giảng viên Hoa Kỳ có nhiều thời gian tham gia giảng dạy ở trường.
- Trường có quyền tự chủ cao trong các lĩnh vực quản trị, tài chính, nhân lực, tuyển dụng và đề bạt giảng viên.
- Trường sẽ phải thực hiện các trách nhiệm xã hội đối với Việt Nam, và tuân thủ theo quy chế do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- Các khoa dự kiến sẽ bao gồm các khoa phù hợp với một trường đại học nghiên cứu đa ngành, bao gồm Công nghệ, Sức khỏe, Kinh tế, và Kinh doanh.
- Lộ trình dự kiến: 2010- thiết lập cơ cấu tổ chức ban đầu; 2011, tuyển sinh và bắt đầu đào tạo; 2012, hoàn thành xây dựng trường và tuyển học viên thạc sỹ và tiến sỹ.

Nhóm Chuyên trách đã thảo luận tính khả thi của bản đề cương thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu dự tính.

Khuyến nghị

Cần xây dựng một lộ trình tiến tới việc thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thực hiện các bước sau với sự tư vấn của chuyên gia Hoa Kỳ khi được yêu cầu:

- Xác định một hoặc một nhóm các trường đại học của Hoa Kỳ là đối tác phối hợp thực hiện thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trao đổi với Hệ thống Đại học California (UC), Đại học bang California (CSU) và với các trường đại học khác về khả năng này.
- Chuẩn bị một đề án hoặc tài liệu về việc thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ để giới thiệu với các nhà tài trợ tiềm năng và các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ. Đề án này cần bao gồm một kế hoạch chi tiết, có thể thực hiện được và thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đảm bảo tính tự chủ cho trường.
- Tạo lập một danh sách các nhà đầu tư tiềm năng để tiếp cận. Danh sách này có thể bao gồm các trường đại học, quỹ, tổ chức phi chính phủ, tổ chức đa quốc gia và công ty tư nhân.
- Tiếp cận với các nhà đầu tư trên và các nhà đầu tư tiềm năng khác và cho họ thấy rõ những lợi ích của việc thành lập một trường đại học như vậy đối với Việt Nam và Hoa Kỳ.
- Xây dựng một trang web để tất cả các trường đại học Hoa Kỳ có quan tâm đều có thể tiếp cận được với bản đề án một cách dễ dàng.
- Thành lập một ban tư vấn giúp chi tiết hóa lộ trình cho việc thành lập trường và cung cấp thông tin đầu vào cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng đề án thành lập trường và sử dụng bản đề án này để thu hút sự quan tâm của các đối tác là các trường đại học và nhà tài trợ Hoa Kỳ.
- Thiết lập các chỉ số thực hiện như kết quả kiểm tra, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, ấn phẩm của giảng viên nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm giải trình, và từ đó đánh giá lãnh đạo các trường đại học thông qua các chỉ số này.
- Thực hiện những khuyến nghị trong các lĩnh vực khác của bản báo cáo này là những điều kiện cần thiết quan trọng cho sự thành công của trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ ở Việt nam. Tiến trình thực hiện toàn diện những khuyến nghị này thực sự cần thiết để thuyết phục các nhà đầu tư và các đối tác Hoa Kỳ về sự quyết tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục đại học ở Việt nam.

Những hỗ trợ có thể có từ Chính phủ Hoa Kỳ trong việc giúp thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ:

- Tư vấn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng đề án và trang web nêu trên.
- Liên hệ với các trường đại học ở Hoa Kỳ để cung cấp thông tin và khuyến khích họ tham gia vào đề án.

- Tiếp cận với các quỹ của Hoa Kỳ hoặc các quỹ khác có thể quan tâm đến việc đầu tư thành lập trường.
- Đóng vai trò tư vấn cho các bên liên quan ở cả hai nước, tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa các tổ chức của Hoa Kỳ với Bộ Giáo dục và Đào tạo và cung cấp các hỗ trợ xúc tiến khác.
- Làm việc với các trường đại học Hoa Kỳ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiếp cận để xem xét khả năng mời họ làm các thành viên sáng lập trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ, và giúp họ hiểu rõ mục tiêu cũng như tính khả thi của tất cả các nội dung của đề án.
- Sử dụng các chương trình do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ để hỗ trợ trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ như Chương trình Fulbright, Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) v.v.

Các yếu tố khác cần quan tâm

- Giai đoạn đầu Trường đại học mô hình đại học Hoa Kỳ với định hướng nghiên cứu sẽ tập trung vào đào tạo trình độ đại học, phát triển dần các chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Với chương trình giáo dục chất lượng cao, trường này sẽ cung cấp cho nền kinh tế Việt Nam đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ. Sinh viên tốt nghiệp ở trường này sẽ được chuẩn bị tốt cho việc học sau đại học ở nước ngoài. Quan trọng hơn nữa là trường này sẽ là nơi các học giả và nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài về làm việc. Làm như vậy sẽ mang lại tác động lớn cho hệ thống đại học, không chỉ là qua từng giảng viên, cán bộ tham gia công tác ở trường, sinh viên được đào tạo mà trường còn là một mô hình quản lý tốt, một đơn vị cạnh tranh lành mạnh. Đồng thời, Trường còn có vai trò kích thích sự thay đổi và là một mô hình cho các trường đại học khác ở Việt Nam học tập và làm theo.
- Nghiên cứu kinh nghiệm của các trường đại học đã nhận được hỗ trợ của Chính phủ Hoa Kỳ trong mấy thập niên gần đây, như Viện Công nghệ Trung đông (Thổ Nhĩ Kỳ), Viện Công nghệ Kanpur - Ấn Độ. Những trường này đã thành công vì những lý do sau:
 - Chính phủ Hoa Kỳ không đơn phương tài trợ cho các trường này mà xây dựng quan hệ đối tác với các trường đại học, các quỹ (như Quỹ Ford) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (US AID) để cung cấp hỗ trợ.
 - Một nhóm các trường đại học đã tham gia.
 - Ban đầu các trường này không thành lập một trường đa ngành mà tập trung vào các ngành khoa học, công nghệ và kỹ thuật.
 - Các trường được thành lập với tính tự chủ cao, không hoạt động dưới sự kiểm soát của Chính phủ.
 - Giảng viên có thể cạnh tranh để được đề bạt và được nhận các khoản kinh phí cho nghiên cứu; thường xuyên thuyên chuyển giảng viên; có hệ thống đánh giá chéo nhằm nhận được kinh phí cho nghiên cứu và công bố kết quả; có đầu tư thích đáng cho sinh viên đại học chuẩn bị học tiếp ở bậc sau đại học.
 - Các doanh nghiệp cũng tham gia đóng góp ý kiến về những gì cần đào tạo để có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển nhân lực quốc gia.
- Đảm bảo rằng tất cả các đối tác đồng ý với “bản kế hoạch công tác” thành lập trường đại học
- Đảm bảo tính tự chủ của các đối tác là các trường đại học của Hoa Kỳ trong các quy định về quản lý, chương trình, cơ cấu lương, thưởng và các chính sách khác.

- Chia nhỏ đề án thành các bước khác nhau và có thể coi đó là những hoạt động độc lập, tiến hành đồng thời (cấp vốn, tuyển lựa trường tham gia, bắt đầu với một khoa và mở rộng dần dần) nhằm giảm thiểu những khó khăn khi thực hiện một đề án có quy mô lớn.
- Thành lập Trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ là một đề án lâu dài với nhiều hợp phần và phải tiến hành với nhịp độ khác nhau. Các trường đại học Hoa Kỳ khi xem xét việc tham gia, đều phải họp Hội đồng quản trị và quy trình này mất rất nhiều thời gian.
- Tạo điều kiện để thu hút các trường đại học ở Hoa Kỳ, những trường muốn có quan hệ quốc tế chủ yếu là để tăng cường cơ hội giao lưu cho sinh viên và tăng cường cơ hội nghiên cứu cho giáo viên của họ.
- Tạo dựng cơ sở cho một trường đại học mới sẽ có nhiều khó khăn về quản lý và điều hành. Những yếu tố cơ bản của một trường đại học hiện đại, như thiết kế và thành lập hệ thống vận hành - quản trị, tài chính và kế toán, tuyển sinh, phát triển thư viện, v.v... - đòi hỏi các đối tác Hoa Kỳ phải dành các nguồn lực và nhân lực khi tham gia vào các chương trình trao đổi quốc tế.
- Tạo sự khích lệ thu hút các giảng viên Hoa Kỳ, huyết mạch của một trường đại học, bao gồm việc thuyết phục các nhà khoa học trẻ và học giả người Việt Nam được đào tạo ở nước ngoài trở về nước. Các khích lệ như vậy có thể bao gồm con đường công danh sự nghiệp thông qua việc bổ nhiệm kép hoặc tài trợ nghiên cứu, tài trợ tiền đi lại, vv.

Nguồn tài chính

- Cần phải có một lộ trình và kế hoạch khả thi để giới thiệu cho các đối tác tiềm năng và các nhà tài trợ khác.
- Cần phải xóa đi một số nhận thức sai về phương thức cấp tài chính cho giáo dục đại học:
 - Thứ nhất, cần hiểu rõ là các trường đại học không thể đạt được kết quả đào tạo có chất lượng và bền vững về tài chính mà chỉ dựa vào nguồn thu học phí. Thậm chí ngay cả ở Hoa Kỳ, học phí chỉ chiếm một phần trong chi phí hoạt động của trường. Thứ hai là các trường đại học của Hoa Kỳ sẽ không tự chi trả cho các hoạt động tham gia vào một dự án phát triển ở Việt Nam. Trừ trường hợp một số chương trình có định hướng lợi nhuận như quản trị doanh nghiệp, công nghệ thông tin, các trường có danh tiếng của Hoa Kỳ chỉ tham gia vào một đề án phát triển nếu họ nhận được nguồn tài trợ từ bên ngoài theo một phương thức phù hợp. Khó khăn kinh tế toàn cầu hiện nay làm cho nguồn tiền quyên góp cho các trường tư ở Hoa Kỳ giảm đi và hỗ trợ từ phía chính quyền cho các trường công lập cũng bị giảm, đồng thời các nước khác cũng mong muốn thu hút các trường đại học có tiềm năng của Hoa Kỳ. Vì vậy cần phải có một cơ chế tài chính rõ ràng là một yêu cầu cần thiết.
 - Nguồn tài chính chủ yếu cho xây dựng cơ bản và hoạt động của trường sẽ phải do Chính phủ Việt Nam đảm trách, có thể thông qua các tổ chức cho vay đa phương như Ngân hàng Thế giới (WB) hoặc Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB). Sau một thời gian hoạt động, với danh tiếng tốt, lúc đó mới có thể huy động nguồn vốn từ khu vực tư nhân và đóng góp khác.

Xem thêm thông tin và khuyến nghị chi tiết tại phụ lục – Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 1: Lộ trình thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ.

B. Chương trình tiên tiến của Việt Nam

Bối cảnh

Một trong những cố gắng lớn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công cuộc đổi mới chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam là thực hiện các chương trình tiên tiến (CTTT). Thông qua các CTTT, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp kinh phí cho một số trường đại học chọn lọc, sau đó các trường này sẽ chọn các trường đại học nước ngoài làm đối tác. Trên thực tế, CTTT là việc sử dụng một chương trình đào tạo của trường đại học có uy tín ở nước ngoài tại một trường đại học ở Việt Nam, bao gồm tất cả các phần như chương trình đào tạo, thiết kế khoá học, tài liệu và phương pháp giảng dạy. Trường đối tác nước ngoài cử giảng viên sang dạy ở Việt Nam và đào tạo giảng viên, nhận một số giáo sư ở Việt Nam sang Hoa Kỳ đào tạo. Mục tiêu là cung cấp chương trình đào tạo đẳng cấp quốc tế cho một ngành đào tạo nhất định ở một trường đại học của Việt Nam. Hiện nay 23 CTTT đang được thực hiện – 20 trong số đó có đối tác là các trường đại học của Hoa Kỳ và 03 đối tác của Vương quốc Anh (xem phần phụ lục của Ban Tư vấn 2: Chương trình Tiên tiến của Việt nam để biết thêm toàn bộ danh sách các chương trình tiên tiến).

Nhóm Chuyên trách nhận thấy đã có hợp tác thành công trong Chương trình tiên tiến này, nhưng nỗ lực chung sẽ mang lại lợi ích tổng thể hơn nếu tiến hành xác định, đánh giá, phổ biến và nhân rộng những mô hình tốt nhất giữa các đối tác.

Khuyến nghị

Hỗ trợ Chương trình tiên tiến

- Tạo dựng một môi trường giảng dạy như môi trường của các trường đại học ở Hoa Kỳ bao gồm cả việc thưởng cho giáo viên xuất sắc trong giảng dạy, nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu.
- Cải thiện điều kiện vật chất, trang thiết bị, phòng máy và xây dựng ngân sách hàng năm cho mua thiết bị mới.
- Chỉ nhận sinh viên có đủ trình độ tiếng Anh theo học CTTT. Sinh viên không đủ trình độ tiếng Anh sẽ làm giảm chất lượng của Chương trình. Tất cả sinh viên phải tiếp tục học tiếng Anh trong suốt thời gian theo học CTTT.
- Chỉ nhận các sinh viên đã được chuẩn bị tốt về học thuật để theo học CTTT.
- Cho phép tự chủ cao để CTTT có thể tạo nguồn vốn đáp ứng các ưu tiên về mua sách, thiết bị phòng thí nghiệm và các vật dụng cần thiết khác.
- Quảng bá CTTT để thu hút sinh viên giỏi nhất. Hiện nay nhiều sinh viên không biết là họ đang theo học một chương trình tốt hơn và yêu cầu cao hơn nhiều so với các chương trình chung trong các trường đại học ở Việt Nam
- Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và năng lực giảng dạy cho giảng viên đang giảng dạy tại CTTT. Tạo điều kiện tốt hơn cho các giảng viên này phát triển chuyên môn.
- Tìm kiếm các mô hình và cách thức mới khuyến khích giảng viên Hoa Kỳ sang dạy cho các Chương trình này và đào tạo giảng viên Việt Nam với thời gian dài hơn, ít nhất là trong một học kỳ. Hiện nay nhiều giảng viên Hoa Kỳ chỉ sang dạy 02 tuần vì còn bận công việc ở trường của họ bên Hoa Kỳ.
- Khuyến khích có nhiều hơn nữa các dự án hợp tác nghiên cứu khoa học/ứng dụng giữa các trường và doanh nghiệp.

- Đảm bảo là cả đối tác Hoa Kỳ và Việt Nam hiểu rõ hơn mục tiêu của Chương trình, vai trò và nhiệm vụ của mỗi bên.
- Khuyến khích sinh viên Hoa Kỳ tham gia vào Chương trình tiên tiến ở Việt Nam. Nâng cao năng lực của Chương trình tiên tiến sẽ làm cho Việt Nam trở thành địa chỉ du học hấp dẫn hơn đối với sinh viên Hoa Kỳ.

Xây dựng chương trình đào tạo

- Cơ cấu lại chương trình, cho phép sinh viên có nhiều lựa chọn hơn để sinh viên ra trường có thể làm những công việc khác nhau trong cùng một lĩnh vực đào tạo, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong nền kinh tế hiện nay ở Việt Nam.
- Đẩy mạnh thực hiện học chế tín chỉ để sinh viên có thể chuyển các môn học giáo dục đại cương từ ngành học này sang ngành học khác. Đây đã là một mục tiêu hàng đầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng việc chuyển đổi từ niên chế sang học chế tín chỉ cần phải hoàn thiện nhanh hơn và đầy đủ hơn.
- Cấu trúc lại chương trình để phù hợp với những công việc trong nền kinh tế Việt nam ngày nay.

Mở rộng chương trình tiên tiến

- Tăng số lượng chương trình tiên tiến ở các trường đại học ở Việt Nam.
- Xem xét ý tưởng cho thực hiện nhiều CTTT ở cùng một trường.
- Nâng cao tính kinh tế của quy mô hợp tác bằng việc bố trí cho một khoa của trường đại học Hoa Kỳ thực hiện CTTT với nhiều trường đại học ở Việt Nam
- Mở rộng ngành đào tạo cho các CTTT. Hiện nay mới chỉ hạn chế ở một số ngành là khoa học, kỹ thuật, nông nghiệp, tài chính, kinh doanh, hệ thống thông tin... Cũng cần xây dựng CTTT cho các lĩnh vực khác nữa, bao gồm các ngành khoa học xã hội.

Ngân sách và hỗ trợ dài hạn

- Cần có sự hỗ trợ dài hạn để tiếp tục thu hút được sự hỗ trợ từ phía Hoa Kỳ cho Chương trình này cũng như tiếp tục phát triển chuyên môn cho các giảng viên Việt Nam nhằm đạt được kết quả toàn diện đầy đủ của Chương trình.
- Cung cấp một nguồn ngân sách tin cậy và dự tính trước cho CTTT. Nguồn kinh phí đáng tin cậy là yếu tố cần thiết tạo điều kiện cho các trường đại học của Hoa Kỳ lên kế hoạch và thực hiện chương trình đào tạo của họ.
- Đánh giá nhu cầu của các doanh nghiệp và điều chỉnh để các chương trình đáp ứng nhu cầu cụ thể nhằm thu hút sự hỗ trợ của các doanh nghiệp. Các CTTT nếu đáp ứng được các mối quan tâm của doanh nghiệp và nhu cầu về nhân lực sẽ khiến cho các doanh nghiệp có thể rất linh hoạt trong việc xác định mục tiêu hỗ trợ Chương trình như thế nào.
- Thường xuyên tiến hành đánh giá chương trình tiên tiến và cung cấp thông tin cho các trường đại học ở cả Hoa Kỳ và Việt Nam để có những điều chỉnh cần thiết. Cần có sự minh bạch hơn để chương trình được thực hiện hiệu quả nhất.

Xem thêm thông tin và khuyến nghị chi tiết tại phụ lục – Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 2: Chương trình Tiên tiến.

C. Các bước làm rõ và đơn giản hoá thủ tục thiết lập chương trình mới ở Việt Nam

Bối cảnh

Nhiều tổ chức giáo dục Hoa Kỳ đã có chương trình hợp tác ở Việt Nam và nhiều tổ chức khác cũng đang xem xét thiết lập các chương trình tương tự. Tuy nhiên các thủ tục thành lập văn phòng đại diện và thực hiện chương trình liên kết, hợp tác của họ ở Việt Nam còn chưa rõ ràng, phức tạp và mất nhiều thời gian.

Khuyến nghị

- Xây dựng và công bố công khai các quy định mà một tổ chức nước ngoài cần thực hiện khi đăng ký thành lập văn phòng, gồm các công đoạn cần thực hiện, đầu mối liên hệ tại từng đơn vị và các loại văn bản giấy tờ cần phải nộp cho từng công đoạn.
- Đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ ở từng công đoạn.
- Cấp thị thực nhanh hơn cho các giáo sư Hoa Kỳ sang làm việc tại các trường đại học ở Việt Nam và xây dựng quy trình cấp thị thực đơn giản và rõ ràng hơn.
- Giải quyết thủ tục Hải quan nhanh hơn cho các giáo trình gửi từ Hoa Kỳ, và miễn thuế Hải quan đối với sách tặng cho các cơ sở giáo dục ở Việt Nam.
- Cho phép các trường nước ngoài đăng ký hoạt động với tư cách là tổ chức không vì mục đích lợi nhuận chứ không phải là doanh nghiệp chịu thuế.

II. TĂNG SỐ LƯỢNG SINH VIÊN VIỆT NAM HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA KỲ, ĐẶC BIỆT LÀ NGHIÊN CỨU SINH TIẾN SĨ

Chương trình tiến sĩ cho sinh viên Việt Nam

Bối cảnh

Để thực hiện một phần trong Chiến lược Phát triển Giáo dục Việt Nam đến 2020 và cố gắng thúc đẩy đổi mới toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo mong muốn xây dựng một thể hệ mới các giảng viên chất lượng cao phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu. Một trong những chiến lược của Bộ để đạt mục tiêu này là chương trình đào tạo 20.000 tiến sĩ trong vòng 10 năm tới – một nửa tại Việt Nam và một nửa ở nước ngoài. Khoảng 250 sinh viên/năm sẽ được đào tạo ở Hoa Kỳ.

Chương trình Fulbright do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ mỗi năm gửi 25 sinh viên Việt Nam đi học thạc sĩ. Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF), do Quốc hội Hoa Kỳ thành lập, hàng năm gửi khoảng 40 sinh viên đi học tiến sĩ các ngành khoa học cơ bản.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang trao đổi với Viện Hàn lâm Hoa Kỳ (NA) để thiết lập một chương trình do Chính phủ Việt Nam tài trợ, thông qua chương trình này sinh viên Việt Nam có thể đăng ký học tiến sĩ tại Hoa Kỳ ở các ngành khác nhau. Năm 2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được gần 2.000 hồ sơ hợp lệ đăng ký đi học tiến sĩ tại các nước khác nhau và đã tuyển chọn được 663 ứng viên tiến sĩ và 200 ứng viên thạc sĩ. Mục tiêu năm 2009 sẽ gửi khoảng 900 ứng viên đi đào tạo tại nước ngoài trong đó có 700 ứng viên đi đào tạo tiến sĩ và 200 ứng viên đi đào tạo thạc sĩ.

Khuyến nghị

- Chính phủ Việt Nam tham gia đóng góp cho Chương trình Fulbright để tăng số lượng học bổng cho sinh viên sau đại học của Việt Nam trong Chương trình Fulbright.
- Cần chú ý nâng cao chất lượng đào tạo trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam để đảm bảo chuẩn bị được 10.000 sinh viên đủ năng lực để theo học các chương trình tiến sĩ tại nước ngoài.
- Đối với một số lĩnh vực, nên tập trung đào tạo thạc sĩ hơn là tiến sĩ. Ưu thế của việc đào tạo thạc sĩ so với tiến sĩ là sẽ có thêm nhiều người tốt nghiệp thạc sĩ với thời gian đào tạo ngắn hơn và sẽ trở về Việt Nam sớm hơn. Khi về nước họ sẽ bổ sung ngay vào các vị trí giảng dạy hoặc quản lý và có thể đóng góp cho sự đổi mới hệ thống giáo dục đại học Việt Nam sớm hơn.
- Chương trình quốc gia hỗ trợ ứng viên đi học tiến sĩ tại Hoa Kỳ phải công khai, cạnh tranh, chuẩn xác và có các quy trình xét tuyển và gửi đi học minh bạch. Ứng viên tiến sĩ phải được thu xếp gửi vào các chương trình đào tạo của trường đại học có nhu cầu phù hợp với định hướng nghiên cứu cụ thể của từng ứng viên.
- Đảm bảo quy trình tuyển chọn phải xác định được các ứng viên xuất sắc có thể nâng cao trình độ tiếng Anh khi được tập trung học nâng cao; nhiều ứng viên cần được đào tạo chuẩn bị tại Việt Nam trước khi đi du học.
- Thị thực cấp cho ứng viên tham gia chương trình này nên áp dụng loại J1, không nên dùng loại F1. Loại thị thực J1 này bắt buộc sinh viên sau khi học phải về Việt Nam tối thiểu là 2 năm mới được quay lại Hoa Kỳ.

- Xây dựng các chính sách, điều kiện nghiên cứu giảng dạy, và các mức lương phù hợp cho các tiến sĩ mới được đào tạo trở về Việt nam làm việc.
- Cần chú trọng tới những lĩnh vực khác cũng phù hợp cao đối với sự phát triển tương lai của Việt Nam như lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên, khoa học môi trường, giáo dục (như quản trị đại học, xây dựng chương trình, tư vấn và tâm lý giáo dục, vv).

Xem thêm thông tin và khuyến nghị chi tiết tại phụ lục – Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 3: Chương trình Tiến sĩ cho Sinh viên Việt Nam

III. ĐẨY MẠNH CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ SINH VIÊN VIỆT NAM CÓ KỸ NĂNG CẦN THIẾT PHỤC VỤ NỀN KINH TẾ ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

A. Các kỹ năng và kiến thức cơ bản

Bối cảnh

Để nâng cao chất lượng giảng dạy ở các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, các kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm các bước sau:

- Phương pháp giảng dạy: Cần phải thay đổi phương pháp giảng dạy giúp học viên tham gia tích cực hơn trong các hoạt động trên lớp và xây dựng lối tư duy tích cực và khả năng phân tích.
- Hệ thống đào tạo tín chỉ: Các trường đại học ở Việt Nam đang trong quá trình chuyển sang hệ thống đào tạo theo tín chỉ, trong đó các môn học có thể được phép chuyển đổi giống như trong hệ thống giáo dục chung tại các trường đại học của Hoa Kỳ.
- Môi trường pháp lý: Các cơ sở đào tạo 100% vốn nước ngoài bắt đầu được cho phép thành lập ở Việt Nam từ năm 2000. Luật Giáo dục đầu tiên được ban hành năm 1998.
- Giảng viên nòng cốt: Bộ Giáo dục và Đào tạo tính toán những sinh viên sau khi được đào tạo ở nước ngoài, có bằng cấp và trình độ trở về sẽ là những cán bộ, giảng viên nòng cốt trong nhà trường.
- Trung tâm tiên tiến sỹ: Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập 03 trung tâm tiên tiến sỹ ở Việt Nam. Các Trung tâm này sẽ thực hiện các chương trình đào tạo tiếng Anh và kỹ năng nghiên cứu. Các trung tâm tuyển dụng cả giáo sư người nước ngoài.
- Chương trình tín dụng sinh viên của chính phủ Việt nam: Trong năm 2008, 780.000 sinh viên thuộc gia đình khó khăn (chiếm hơn 50% sinh viên trong cả nước) đã nhận khoản vay 800.000 đồng/tháng/sinh viên (khoảng 50 đô la Mỹ).
- Phát triển chương trình đào tạo: chương trình đào tạo cần được thay đổi cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

Khuyến nghị

- Cần gắn kế hoạch đào tạo với kế hoạch phát triển kinh tế. Đảm bảo là các chương trình đào tạo cung cấp cho xã hội những sinh viên ra trường có kỹ năng cần thiết phục vụ phát triển kinh tế quốc gia và địa phương.
- Việt nam nên xem xét tham khảo các mô hình đào tạo của Hoa Kỳ: các trường cao đẳng cộng đồng ở Hoa Kỳ có vai trò là các trung tâm học tập suốt đời và nâng cao kỹ năng cho hầu hết các sinh viên theo học đại học ở Hoa Kỳ. Gần một nửa số sinh viên ở Hoa Kỳ đăng ký học ở các trường cao đẳng cộng đồng. Các trường này rất linh hoạt về xây dựng chương trình đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu của cộng đồng địa phương và các ngành kinh tế nơi trường phục vụ. 95% các tổ chức của Hoa Kỳ tuyển sinh viên của các trường này vào làm việc cho tổ chức của họ.
- Cần ghi nhận là có hai loại hình đào tạo khác nhau để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực: đó là nhân viên kỹ thuật và cán bộ quản lý. Những nhân viên kỹ thuật chỉ cần đào tạo qua các trường dạy nghề là đủ, còn các nhân sự quản lý thì cần đào tạo cao hơn và có kinh nghiệm trong giải quyết vấn đề.

- Cần có biện pháp khuyến khích các công ty của Hoa Kỳ tham gia vào việc xây dựng chương trình đào tạo của các trường đại học để đảm bảo các chương trình đào tạo phù hợp và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.
- Cần gắn kết việc giảng dạy trong các trường cao đẳng cộng đồng với các nhu cầu kỹ năng công việc cần thiết ở các tỉnh, địa phương. Các công ty của Hoa Kỳ, với kiến thức rộng về môi trường kinh doanh ở Việt Nam, kể cả kiến thức về khả năng cung và cầu nguồn nhân lực trong các ngành cụ thể, có thể cung cấp thông tin về kỹ năng nào mà các công ty đa quốc gia cần nhất khi tuyển người.
- Cần tạo ra sự gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa các bậc học, ví dụ sinh viên học xong trường cao đẳng cộng đồng có thể sẵn sàng đi làm, hoặc nếu muốn có thể chuyển tiếp lên học ở đại học.
- Thay đổi chương trình đào tạo còn chú trọng nhiều về lý thuyết, ít thực hành như hiện nay. Chú trọng thay đổi chương trình đào tạo theo hướng chuẩn bị tốt cho sinh viên làm việc ở các công ty, doanh nghiệp.
- Đảm bảo sinh viên tốt nghiệp nắm chắc các kiến thức cốt lõi. Phương pháp kiểm tra đánh giá phải thường xuyên, nhiều kỳ và giúp khuyến khích sinh viên học hoặc đến lớp. Chú trọng đến việc tạo cho sinh viên có kỹ năng cần thiết cho công việc sau này và tạo cơ hội cho sinh viên sử dụng phòng thí nghiệm để thực hành.
- Cần nhấn mạnh vào phương pháp dạy tích cực, học thông qua giải quyết vấn đề. Chú trọng nhiều hơn vào kinh nghiệm thực tiễn để sau khi ra trường, sinh viên có thể có việc làm ngay. Cần đảm bảo là sinh viên có được kỹ năng tư duy phân tích chủ động nhằm tìm ra giải pháp tối ưu nhất, kỹ năng xây dựng các giải pháp khác nhau và phân tích tình huống.
- Nâng cao hơn nữa tính cạnh tranh trong phân bổ ngân sách cho nghiên cứu khoa học .
- Nghiên cứu các mô hình trường tư và trường công của Hoa Kỳ để biết xem các trường này được tài trợ thế nào.
- Cần có phương thức tính giờ và bồi dưỡng cho giảng viên khi họ nghiên cứu và làm chủ các phương pháp giảng dạy mới.
- Cần chú ý đến tầm quan trọng của các tiêu chuẩn mang tính cạnh tranh, các tổ chức nghề nghiệp để giúp giảng viên duy trì kỹ năng cần thiết. Thông tin đến các trường về các kỹ năng cần thiết trong tình hình nền kinh tế hiện nay để các trường điều chỉnh chương trình đào tạo cấp văn bằng của trường. Hệ thống giáo dục phải cung cấp nhân lực cho nhu cầu hiện tại.
- Thăm dò khả năng các dự án do USAID hỗ trợ trong lĩnh vực giáo dục trên cơ sở cân nhắc các đánh giá về bậc học phù hợp với chương trình tài trợ của USAID do nhóm cán bộ của USAID vừa qua đã thực hiện tại Việt Nam.

B. Đào tạo tiếng Anh

Bối cảnh

Việt Nam cần một lực lượng lao động có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ toàn cầu trong các lĩnh vực kinh doanh, công nghệ và khoa học. Ngày nay Việt Nam đang tiếp nhận nhiều công ty đa quốc gia vào đầu tư và đang đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế thế giới, vì vậy lao động Việt Nam cần có năng lực sử dụng tiếng Anh để có thể cạnh tranh và phát triển. Khả năng sử dụng tiếng Anh là đặc biệt cần thiết đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ quản lý.

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã xây dựng một Dự án "*Đổi mới và nâng cao hiệu quả việc giảng dạy và sử dụng tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam*" với mục tiêu biến tiếng Anh thành thế mạnh của người dân Việt Nam để tích cực, chủ động hội nhập quốc tế và khu vực, nâng cao tính cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam trong 10 năm tới.

Để đạt được mục tiêu nói trên, Chính phủ Việt Nam cần phải đầu tư mạnh cho lĩnh vực này đồng thời cần huy động được các nguồn lực, kiến thức chuyên môn từ các chuyên gia, cần có sự hợp tác với các cơ sở giáo dục, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp nước ngoài có cùng mối quan tâm.

Khuyến nghị

- Xây dựng các trung tâm tiếng Anh để đào tạo giáo viên chất lượng cao.
- Chú trọng đến việc học tiếng Anh suốt đời thông qua các chương trình hỗ trợ trên đài truyền hình và đài phát thanh.
- Thành lập mạng lưới giáo viên tiếng Anh cho các trường trung học ở tất cả các tỉnh, thành ở Việt Nam.
- Xây dựng, mở rộng, mua và phát sóng các chương trình tiếng Anh trên đài truyền hình và đài phát thanh.
- Xây dựng và thúc đẩy các dự án và chương trình tiếng Anh trong cộng đồng.
- Ủng hộ việc cử các giảng viên sang Hoa Kỳ học tiếng Anh cấp tốc.
- Cải cách và cải tiến phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo và thi, kiểm tra, đánh giá tiếng Anh.
- Giảm cấp học và độ tuổi học sinh được học tiếng Anh.
- Tăng số giờ học tiếng Anh ở các trường phổ thông.
- Giảm sĩ số trong các lớp ở tất cả các cấp học
- Tạo cơ hội cho sinh viên Việt Nam được ra nước ngoài nâng cao trình độ tiếng Anh.

Các dự án trọng tâm:

- Xây dựng các Trung tâm đào tạo tiếng Anh tại các trường đại học của Việt Nam để đào tạo giáo viên tiếng Anh chất lượng tốt cho các trường.
- Gửi các giảng viên giảng dạy tiếng Anh trong các chương trình đào tạo quốc tế tại các trường đại học Việt Nam sang Hoa Kỳ đào tạo nâng cao trình độ.
- Đổi mới và xây dựng lại chương trình đào tạo và kiểm tra đánh giá trong đào tạo tiếng Anh.

- Gửi các chuyên gia đến Hoa Kỳ để nghiên cứu tiếng Anh chuyên ngành.
- Phát triển, mua bán, nâng cao các sản phẩm đào tạo tiếng Anh qua mạng.

Xem thêm thông tin và khuyến nghị chi tiết xem tại phụ lục – Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 4:
Đào tạo tiếng Anh.

C. Kiểm định và khảo thí

Bối cảnh

Mục đích của công tác kiểm định chất lượng giáo dục là đảm bảo và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục. Đánh giá chất lượng một cách khách quan là cần thiết để Chính phủ, các quỹ, các doanh nghiệp, các nguồn khác xác định mức hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục đại học. Kết quả kiểm định với độ tin cậy cao cũng là những thông tin quan trọng đối với sinh viên đăng kí vào học tại các trường, các công ty, các cơ quan Chính phủ và các tổ chức tuyển dụng sinh viên khác cũng như đối với cộng đồng nói chung. Kiểm định không nhằm mục đích xếp hạng các trường đại học mà nhằm mục đích thúc đẩy các trường đại học cung cấp được một dịch vụ đào tạo đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các mục tiêu đã đề ra.

Xây dựng một hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam dựa trên các tiêu chí học thuật, khách quan, hiệu quả là một phần quan trọng của tiến trình đổi mới giáo dục đại học nhằm phục vụ các mục tiêu quốc gia đã đề ra và làm cho giáo dục đại học Việt Nam có thể cạnh tranh hiệu quả với các hệ thống giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới. Hệ thống kiểm định Hoa Kỳ là một mô hình lý tưởng phục vụ tất cả các cơ sở giáo dục, các khách hàng, những người ủy nhiệm, và cho công chúng rộng rãi.

Những khuyến nghị

- Thành lập Ban Tư vấn Việt - Mỹ để xây dựng, phát triển các tiêu chuẩn quốc gia trong các lĩnh vực khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng.
- Triển khai việc xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học để kiểm tra và công nhận chất lượng của các trường đại học ở Việt nam.
- Gửi các đoàn đi tham quan, học tập tại Hoa Kỳ để tìm hiểu các vấn đề cơ bản của hệ thống kiểm định Hoa Kỳ, gồm có:
 - Quá trình kiểm định tự nguyện, phi chính phủ, trong đó việc đánh giá chất lượng các chương trình giáo dục và các cơ sở giáo dục được dựa trên sự nhận xét, đánh giá đồng cấp một cách đầy đủ, khách quan và hiểu biết;
 - Quy trình công nhận và xác nhận các tổ chức kiểm định có khả năng tiến hành quá trình kiểm định nói trên;
 - Các chính sách quy định vai trò, trách nhiệm và các mối quan hệ giữa chính quyền liên bang, cơ quan điều phối học thuật và các tổ chức kiểm định.
 - Các chính sách quy định mối quan hệ giữa các tổ chức kiểm định và các trường được kiểm định
 - Các tiêu chuẩn kiểm định, mà theo đó các trường sẽ được đánh giá và trên các cơ sở đó công nhận hay không công nhận trường đạt tiêu chuẩn kiểm định.
- Tiếp cận Hội đồng kiểm định giáo dục đại học (CHEA) để tìm hiểu cách thiết kế cấu trúc một hệ thống kiểm định;
- Hỗ trợ bồi dưỡng các cán bộ để xây dựng và quản lý các cơ quan kiểm định cần thiết trong hoạt động của hệ thống kiểm định;
- Hỗ trợ bồi dưỡng các nhà quản lý giáo dục và giảng viên thực hiện việc đánh giá đồng cấp trong kiểm định;

- Gửi các đoàn đến Hoa Kỳ trong thời gian ngắn để phát triển chuyên môn trong lĩnh vực khảo thí;
- Gửi các đoàn đến Hoa Kỳ trong thời gian ngắn để tập huấn nghiệp vụ về cách thức thiết lập và quản lý một hệ thống kiểm định trường đại học.

Để biết thêm các thông tin và khuyến nghị, đề nghị xem phụ lục – Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 5: Kiểm định và Khảo thí.

D. Quan hệ đối tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Bối cảnh

Đại sứ M. Michalak đề nghị thành lập một nhóm tư vấn để nghiên cứu về hình thành mối quan hệ đối tác giữa các trường đại học và các doanh nghiệp và để xác định các phương thức sẽ được sử dụng nhằm đảm bảo có thể hỗ trợ cho các sinh viên tốt nghiệp có được những kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam. Nhóm Tư vấn này do Chính phủ Việt Nam hoặc các trường đại học của Việt Nam chủ trì để thu thập các ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp của Việt Nam và của Hoa Kỳ. Phía Việt Nam hoan nghênh sự hỗ trợ tích cực của các doanh nghiệp Hoa Kỳ nhằm phát triển nguồn nhân lực tại Việt Nam.

Các khuyến nghị

- Cần thành lập một nhóm tư vấn về hợp tác giữa các trường đại học và các doanh nghiệp nhằm xác định các bước đi để có thể sớm giảm thiểu sự thiếu hụt gay gắt về công nhân và các nhà quản lý có những kỹ năng cần thiết để làm việc tại các doanh nghiệp của Hoa Kỳ tại Việt Nam.
- Để đáp ứng ngay nhu cầu của các doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam, cần tổ chức cho các chuyên gia của Hoa Kỳ làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo để thành lập một cơ sở đào tạo cho sinh viên sau khi tốt nghiệp nhằm giúp họ có được những kỹ năng cần thiết, bao gồm kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, kỹ năng trình bày, tư duy phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Để biết thêm thông tin, đề nghị xem phụ lục – Tóm tắt Báo cáo của Ban Tư vấn 6: Quan hệ đối tác trường – doanh nghiệp

BIÊN BẢN GHI NHỚ
giữa
Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và
Bộ Ngoại giao
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
về
Thành lập Nhóm Chuyên trách về Giáo dục
thúc đẩy hợp tác trong giáo dục đại học

Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và, Bộ Ngoại giao (DoS) Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, sau đây được gọi là “hai Bên”:

- bày tỏ mong muốn tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học;
- hiểu rõ tầm quan trọng của giáo dục đại học đối với thúc đẩy phát triển kinh tế;
- ghi nhận tầm quan trọng của việc xây dựng đối tác công - tư giữa các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức khác của Việt Nam và Hoa Kỳ trong việc hỗ trợ các dự án giáo dục và đào tạo.

Để xây dựng các đề xuất tăng cường hơn nữa hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học, bao gồm việc thiết lập mối liên hệ giữa các cơ sở giáo dục của hai nước, hai Bên thống nhất thành lập một Nhóm Chuyên trách về giáo dục.

Nhóm Chuyên trách về giáo dục sẽ:

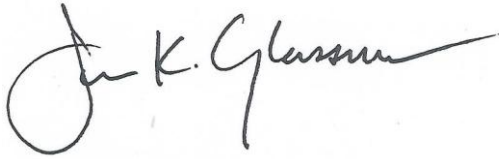
1. xem xét và đề xuất các định hướng hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong tương lai
2. có số lượng thành viên không quá 10 người, một nửa là người Việt Nam, một nửa là người Mỹ;
3. nghiên cứu và đưa ra khuyến nghị cụ thể về phương thức hai bên có thể:
 - a) khuyến khích tăng cường quan hệ hợp tác và liên kết đào tạo sâu hơn giữa các trường đại học của Hoa Kỳ và Việt Nam (bao gồm đề xuất của phía Việt Nam thành lập một trường Đại học Việt – Mỹ với sự tham gia của các cơ sở đào tạo của Hoa Kỳ và quan tâm của Hoa Kỳ trong việc làm rõ và đơn giản hóa thủ tục thành lập các chương trình mới ở Việt Nam)

- b) tăng số lượng sinh viên Việt Nam học tại các trường đại học Hoa Kỳ, đặc biệt sinh viên học tiến sỹ (bao gồm sáng kiến của Hoa Kỳ thúc đẩy tăng số lượng sinh viên Việt Nam theo học các trường đại học của Hoa Kỳ ở tất cả các cấp và quan tâm của Việt Nam muốn có nhiều người Việt Nam nhận được bằng cao học từ Hoa Kỳ)
- c) thúc đẩy các chương trình đào tạo được thiết kế giúp sinh viên Việt Nam có được kỹ năng cần thiết phục vụ cho công cuộc hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam.

Nhóm Chuyên trách có nhiệm vụ báo cáo với lãnh đạo hai nước một bản tóm tắt các hoạt động và phát hiện sơ bộ của Nhóm vào tháng Giêng năm 2009.

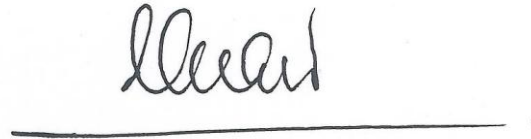
Biên bản ghi nhớ này được ký tại Washington, D.C. vào ngày 25 tháng Sáu năm 2008 và được làm thành hai bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt có giá trị ngang nhau.

**Bộ Ngoại giao
Hợp chủng quốc Hoa Kỳ**



**James K. Glassman
Thư trưởng Ngoại giao
phụ trách Ngoại giao Công chúng**

**Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**



**Phạm Vũ Luận
Thư trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

TÓM TẮT BÁO CÁO CỦA BAN TƯ VẤN 1
LỘ TRÌNH THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THEO MÔ HÌNH ĐẠI HỌC HOA KỲ TẠI VIỆT NAM

Chủ tịch Ban Tư vấn 1:

- Thomas Vallely, Giám đốc, Chương trình Harvard Việt nam, Trường Đại học Harvard
- Trần Thị Hà, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. Giới thiệu

Ban Tư vấn được đề nghị góp ý cho ý tưởng của biên bản ghi nhớ về việc thành lập một Trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ tại Việt Nam. Tuy nhiên nhìn từ góc độ nhu cầu đổi mới to lớn của các cơ sở giáo dục tại Việt Nam và số lượng lớn các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ quan tâm đến những sáng kiến tại đây, Ban Tư vấn đã nghiên cứu những điều kiện tiên quyết cho mối quan hệ đối tác giáo dục thành công tại Việt Nam và nhận thấy một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ có thể nên bắt đầu bằng việc đào tạo trình độ đại học.

II. Hướng tới một khuôn khổ khái niệm

A. Hệ thống giáo dục đại học đa dạng

Nhu cầu nguồn nhân lực đa dạng của xã hội hiện đại có thể được đáp ứng tốt nhất bởi một hệ thống giáo dục đại học đa dạng bao gồm các cơ sở được xác định nhiệm vụ rõ ràng nhưng có liên hệ với nhau. Hệ thống đa dạng này bao gồm: các trường đại học nghiên cứu, các trường đại học vùng (bao gồm cả các trường cộng đồng), các trường chuyên nghiệp và dạy nghề. Hiện nay, mục tiêu trọng tâm của chính sách giáo dục Việt Nam, như được nêu trong Nghị quyết 14, là phát triển một hệ thống đại học đa dạng. Các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ có thể và nên chủ động hỗ trợ ở tất cả các cấp, bậc để đạt mục tiêu trên. Chiến lược áp dụng cho mỗi trường hợp sẽ khác nhau, tùy theo loại hình cơ sở và nguồn lực của đối tác phía Hoa Kỳ. Nhóm Chuyên trách giáo dục có thể có đóng góp quan trọng cho việc đổi mới giáo dục đại học bằng những đề xuất về cách thức của mối quan hệ đối tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

B. Quản trị

Với định nghĩa quản trị là ‘những cơ cấu chính thức và không chính thức cho phép các cơ sở giáo dục ra quyết định và hành động’, việc thiết lập một cơ chế quản trị hiệu quả là một trong những nguyên nhân làm cho nền giáo dục đại học Việt Nam đạt được chất lượng mong muốn. Một số tiêu chí của quản trị tốt gồm có tự chủ và tự do học thuật, tuyển dụng, trách nhiệm với các bên liên quan và thường xuyên kiểm tra các tiêu chuẩn.

Ban Tư vấn nhận thấy rằng các trường đại học Hoa Kỳ sẽ hỗ trợ được nhiều hơn nếu tập trung vào việc xây dựng một cơ sở mới hơn là tăng cường cho một cơ sở đã sẵn có. Trường đại học Thanh Hoa và Học viện Công nghệ Ấn Độ tại Kanpur là thí dụ về thế mạnh của xu hướng thứ nhất. Xu hướng thứ hai chỉ có thể có kết quả tốt nếu như có được tự chủ trong điều hành và cơ chế khuyến khích.

III. Những điều kiện tiên quyết cho quan hệ đối tác

Ban Tư vấn nhận thấy rằng những điều kiện tiên quyết sau đây là rất cần thiết cho việc gắn kết một cách hiệu quả các trường đại học Hoa Kỳ với việc phát triển hệ thống cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

A. Đảm bảo tính tự chủ và trách nhiệm giải trình

Để những nỗ lực của các đối tác Hoa Kỳ trong việc xây dựng trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ có thể thành công, các cơ sở giáo dục Việt Nam cần có tự chủ và trách nhiệm giải trình nhiều hơn nữa so với hiện nay. Những văn bản chính sách gần đây như Nghị quyết 14 đã thể hiện việc đảm bảo vai trò tự chủ hơn nữa. Các cơ sở mới thành lập được chủ động hệ thống nhân sự của họ, quyền tuyển dụng, bổ nhiệm và miễn nhiệm giảng viên, cán bộ và quyết định mức lương. Bởi vì sự thành công lâu dài của các cơ sở giáo dục phụ thuộc khả năng thu hút và giữ được các nhà khoa học và học giả Việt Nam, quyền hạn trong việc bổ nhiệm giảng viên phải có vai trò của họ. Cũng tương tự, những cơ sở mới phải có quyền về nội dung chương trình và các môn học. Hiện nay những nội dung này đang được hoàn thiện trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

Tự chủ phải đi cùng với trách nhiệm. Ban Tư vấn đề nghị xem xét cơ chế thích hợp đảm bảo trách nhiệm của các cơ sở mới đối với xã hội, những bên liên quan kể cả chính phủ và khu vực tư nhân. Kinh nghiệm của giáo dục đại học Hoa Kỳ rất phong phú là điều mà có thể áp dụng cho Việt Nam. Một trong những minh chứng quan trọng nhất là sự hiện diện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của trường đại học Việt Nam có thể có đại diện của chính quyền địa phương và trung ương, cộng đồng khoa học và trí tuệ Việt Nam, các học giả và nhà khoa học quốc tế, các đối tác giáo dục Hoa Kỳ, các ngành kinh tế và các nhà tài trợ chính. Cần xây dựng một bộ những chỉ số đánh giá theo chất lượng hoàn thành nhiệm vụ (điều này bao gồm kết quả kiểm tra, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, lượng sách xuất bản của giảng viên, ...) và những người đứng đầu cơ sở đại học cần được đánh giá thông qua thực hiện thành công các nhiệm vụ trên.

B. Cơ chế mới về hợp tác giáo dục

Trong trường hợp thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ, Chính phủ Việt Nam dự tính việc tham gia của các đối tác có thể là khoảng 10 năm trở lên theo hướng mức độ tham gia giảm dần theo thời gian. Những thách thức đặc trưng của việc thành lập cơ sở mới là việc thay đổi cách thức các trường đại học Hoa Kỳ tham gia các dự án quốc tế. Ban Tư vấn nhận thấy là với hầu hết các trường đại học Hoa Kỳ mục tiêu đầu tiên của họ trong các hoạt động quốc tế là nhằm mang lại những cơ hội học tập phong phú hơn cho sinh viên và các cơ hội nghiên cứu cho giảng viên.

Tuy nhiên việc xây dựng các cơ sở giáo dục đại học theo kiểu mẫu Hoa Kỳ sẽ đòi hỏi một cam kết rộng lớn hơn chứ không chỉ đơn thuần là quyền lợi của giảng viên và sinh viên. Đặt nền móng cho một trường đại học mới sẽ cần nhiều sự hỗ trợ về quản lý và điều hành. Thí dụ như việc chuẩn bị và thành lập hệ thống điều hành - quản trị, tài chính, kế toán, tuyển sinh, phát triển, thư viện, ... – những công việc cần các đối tác Hoa Kỳ phải dành nguồn lực đáng kể mà không thường thấy trong các chương trình trao đổi hoặc chương trình quốc tế của họ.

Tại Hà Nội Nhóm Chuyên trách đã thảo luận về những khó khăn trong việc thuyết phục giảng viên Hoa Kỳ dành thời gian đến Việt Nam. Cần có những biện pháp sáng tạo để vượt qua khó khăn này. Xây dựng đội ngũ giáo viên người Việt Nam cũng cần những chính sách đổi mới: thuyết phục những nhà khoa học và học giả trẻ được đào tạo ở nước ngoài trở về Việt Nam có thể đòi hỏi các đối tác Hoa Kỳ phải có những hỗ trợ cho họ: như việc bổ nhiệm kép, hỗ trợ nghiên cứu, tài trợ đi lại...

C. Làm rõ vấn đề tài chính

Nhóm Chuyên trách cần chỉ rõ hai nhận thức sai lầm về tài chính cho giáo dục đại học. Thứ nhất, cần ý thức rõ là các trường đại học không thể có chất lượng đầu ra cao và tài chính bền vững nếu chỉ dựa vào nguồn thu học phí, như nhiều trường đại học của Việt Nam vẫn cho là như vậy. Thậm chí ở Hoa Kỳ, học phí chỉ là một phần trong ngân sách hoạt động của nhà trường; và ở Việt Nam khi mà khả năng chi trả rất thấp, học phí chắc chắn sẽ chỉ là một phần rất nhỏ trong chi phí hoạt động. Vấn đề thứ hai là các trường đại học Hoa Kỳ sẽ không tự chịu phần chi phí của họ cho việc tham gia phát triển hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Loại trừ một số chương trình vì mục đích thu lợi nhuận trong các ngành như quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin cơ bản, các trường đại học danh tiếng của Hoa Kỳ chỉ tham gia vào các dự án khi họ thấy chúng có được nguồn tài trợ bền vững từ bên ngoài. Khi mà suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng sự quyên góp giúp đỡ cho giáo dục và các nước vùng Vịnh hấp dẫn các trường đại học Hoa Kỳ với những gói tài chính rộng rãi, càng cần phải có một cơ chế tài chính thực tế và rõ nét. Về phía Chính phủ Hoa Kỳ dường như sẽ không có sự hỗ trợ tài chính đáng kể. Do đó nguồn tài chính sẽ chủ yếu do Chính phủ Việt Nam chuẩn bị thông qua các cơ quan tín dụng đa phương như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á. Khi đã đi vào hoạt động theo khuôn khổ, có thể có thêm nguồn tài chính từ các tổ chức từ thiện hoặc khu vực tư nhân.

IV. Bước tiếp theo: Trường đại học nghiên cứu theo mô hình đại học Hoa Kỳ

Ban Tư vấn đề đạt ý kiến xây dựng một trường đại học nghiên cứu theo mô hình đại học Hoa Kỳ lên Nhóm Chuyên trách để xem xét bởi vì nó đề cập đến một nhiệm vụ lớn, không phải là duy nhất, trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và có thể gây những ảnh hưởng lớn đến cả hệ thống.

A. Định nghĩa về trường

Như đã đề cập đến ở phần đầu, Nhóm Chuyên trách cần xác định các trường đại học Hoa Kỳ sẽ ưu tiên hỗ trợ ở đâu. Với thực tế còn nhiều bất cập của giáo dục đại học, thì tại thời điểm này nên tập trung vào việc thành lập một cơ sở đào tạo mới.

Đồng thời với kinh nghiệm của Viện Công nghệ Ấn độ trong việc cung cấp các cơ sở nghiên cứu để thu hút các giảng viên giỏi, Ban Tư vấn đề xuất ban đầu nên thành lập một trường đại học nghiên cứu theo mô hình đại học Hoa Kỳ tập trung đào tạo ở bậc đại học và dần trở thành một trường hạt nhân với các chương trình sau đại học và các trường chuyên nghiệp.

Một trường như thế sẽ có những ảnh hưởng mang tính chuyển đổi. Bằng cách cung cấp dịch vụ giáo dục đại học có chất lượng, cơ sở giáo dục này sẽ đào tạo những kỹ thuật viên và nhân viên quản lý có tay nghề cho nền kinh tế Việt Nam. Sinh viên tốt nghiệp sẽ được trang bị tốt cho các khóa học sau đại học ở nước ngoài, và có lẽ quan trọng nhất là cơ sở giáo dục như thế này sẽ là

nơi đón nhận các học giả và nhà khoa học Việt Nam sau khi được đào tạo ở nước ngoài. Là một mô hình tốt về quản lý và một đối thủ cạnh tranh, cơ sở giáo dục này sẽ là động lực cho các trường đại học khác của Việt Nam học tập và cạnh tranh. Nó cũng giúp đòi hỏi và xây dựng những môn học ở bậc trung học phổ thông phù hợp chuẩn bị cho sinh viên vào trường.

B. Chọn lựa những đối tác học thuật chính

Trong khi một nhóm các trường đại học Hoa Kỳ có thể cùng tham gia, trong giai đoạn chuẩn bị ban đầu, để có hiệu quả và trách nhiệm, nên chọn một trường đại học Hoa Kỳ đóng vai trò chủ trì, đứng đầu. Trường này sẽ có trách nhiệm ban đầu về việc xây dựng kế hoạch của một trường đại học mới. Trường đại học Hoa Kỳ này có thể chủ trì các nhóm công tác bao gồm các cơ sở giáo dục Hoa Kỳ và Việt Nam. Cần phải xác định một trường đại học Hoa Kỳ sẵn lòng đóng vai trò dẫn đầu hoặc chủ trì trong việc thành lập một trường đại học theo mô hình đại học Hoa Kỳ. Các đồng nghiệp phía Việt Nam đã liên hệ với một vài trường về việc này.

C. Tìm kiếm những đối tác tài chính chủ yếu

Trường đại học nghiên cứu theo mô hình đại học Hoa Kỳ cần ít nhất một đối tác tài chính tin cậy sẵn sàng đầu tư cho sáng kiến này, trong đó có các trường đại học Hoa Kỳ. Chính phủ Việt Nam nên chịu trách nhiệm ban đầu về việc tìm nguồn tài chính cần thiết. Khả năng thực tế là các nguồn vay từ các cơ sở như Ngân hàng Thế giới hoặc Ngân hàng Phát triển Châu Á. Tuy nhiên các bên tham gia từ phía Việt Nam và Hoa Kỳ có thể thảo luận với các nhà hảo tâm và các quỹ, đặc biệt những người quan tâm đến Việt Nam, đến giáo dục đại học hay sự phát triển của Việt Nam.

V. Kết luận

Mục tiêu của Báo cáo này không phải là đưa ra một bản thiết kế hay kế hoạch chi tiết cho việc thành lập một cơ sở giáo dục mới mà là xem xét những điều kiện tiên quyết căn bản cho thành công của bất kỳ những sáng kiến phát triển cơ sở giáo dục nào. Đại diện đối tác các trường đại học Hoa Kỳ và Việt Nam cần thảo luận chi tiết hơn về bất kỳ vấn đề nào được nêu ở đây.

TÓM TẮT BÁO CÁO CỦA BAN TƯ VẤN 2: CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN CỦA VIỆT NAM

Chủ tịch Ban Tư vấn 2:

- Dr. Joe Hobbs, Giám đốc Học viện Việt nam, Trường Đại học Missouri
- Nguyễn Thị Lê Hương, Vụ phó Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đại học

Giới thiệu

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề ra các mục tiêu đầy tham vọng nhằm đổi mới hệ thống giáo dục đại học. Một trong những nội dung đổi mới là đổi mới toàn diện chương trình đào tạo đại học với hy vọng chương trình đào tạo này sẽ cải thiện đầu ra kết quả nghiên cứu và học thuật.

Cho tới nay, một trong các thành tố nổi bật nhất của đổi mới giáo dục là “Chương trình tiên tiến” của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mục tiêu của chương trình tiên tiến là sử dụng một số chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín của Hoa Kỳ vào giảng dạy tại các khoa của các trường đại học Việt Nam. Hiện tại Bộ Giáo dục và Đào tạo đã dành nhiều kinh phí cho 9 trường đại học của Việt Nam xây dựng 10 chương trình, trong đó các khoa sẽ sử dụng chương trình đào tạo, tài liệu và phương pháp giảng dạy của các trường đối tác Hoa Kỳ. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ mở rộng chương trình này và xem đây như một biện pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học của Việt Nam.

Báo cáo này đánh giá các khái niệm, quy trình và triển vọng của chương trình tiên tiến thông qua trả lời các câu hỏi về 3 mục chính là bối cảnh, mục tiêu, và các nguyên tắc hợp tác và thực hiện trong tương lai.

Bối cảnh

Cho tới nay trong quá trình thực hiện chương trình tiên tiến, nhất là trong lĩnh vực kỹ thuật, khoa học, nội dung cơ bản của các chương trình đào tạo hiện có của Việt Nam là tương đối tốt cho việc đáp ứng việc chuẩn bị cho sinh viên thành công sau khi ra trường. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy lĩnh vực đào tạo cần cải tiến là lĩnh vực công nghiệp liên quan tới chương trình đào tạo năm thứ 4, thường lỗi thời và theo chuyên ngành hẹp. Sẽ có lợi khi tiếp nhận chương trình đào tạo năm thứ 4 của Hoa Kỳ trong lĩnh vực công nghiệp.

Thực tế triển khai chương trình tiên tiến và những bài học kinh nghiệm

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, phạm vi và mục tiêu của dự án:

Từ cuối năm 2005, giai đoạn 1 của chương trình đào tạo tiên tiến trong các lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Kinh doanh và Nông nghiệp từ các trường đại học có uy tín của Hoa Kỳ đã được triển khai tại một số trường đại học của Việt Nam và được giảng dạy bằng tiếng Anh; sử dụng nội dung chương trình, quy trình công nghệ, tài liệu học tập, phương pháp đánh giá người dạy và người học và phương thức quản lý. Trang thiết bị phòng thí nghiệm, thư viện và phòng học tại

các trường đại học này phải được nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình. Cán bộ giảng dạy của Hoa Kỳ được mời sang Việt Nam giảng dạy và Việt Nam cũng cử cán bộ giảng dạy sang Hoa Kỳ để bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy và quản lý. Một số trường đại học của Hoa Kỳ đồng ý cấp bằng cho sinh viên Việt Nam theo học các chương trình tiên tiến. Nhiều cơ sở giáo dục của Hoa Kỳ đồng ý hỗ trợ đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo của Việt Nam. Cuối năm 2007, giai đoạn 2 với 13 chương trình tiên tiến tại 13 trường đại học của Việt Nam được triển khai. Bên cạnh các cơ sở giáo dục đại học của Hoa Kỳ, một số trường đại học của Vương quốc Anh và của Australia cũng tham gia giai đoạn 2.

Danh sách các chương trình tiên tiến được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho triển khai tại các trường đại học của Việt Nam hiện nay:

TT	Tên trường đại học của Việt Nam	Ngành	Đối tác nước ngoài	Năm tuyển sinh
1	Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học QG Hà Nội	Hóa học	Đại học Illinois tại Urbana - Champaign, Hoa Kỳ	2006-2007
2	Đại học Khoa học tự nhiên, ĐH QG Hanoi	Toán	Đại học Washington, Bang Washington, Hoa kỳ	2008-2009
3	Đại học Khoa học tự nhiên, ĐH QG TP. HCM.	Khoa học máy tính	Đại học Bang Portland, Oregon, Hoa kỳ	2006-2007
4	Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. HCM	Kỹ thuật điện và máy tính	Đại học Illinois at Urbana – Champaign, Hoa Kỳ	2006-2007
5	Đại học Công nghệ TT, ĐH Quốc gia TP. HCM	Hệ thống thông tin	Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ	2008-2009
6	Đại học Cần Thơ	Hóa sinh và sinh học phân tử/công nghệ sinh học	Đại học Bang Michigan, Hoa Kỳ	2006-2007
7	Đại học Cần Thơ	Nuôi trồng thủy sản	Đại học Auburn, Bang Alabama, Hoa Kỳ	2008-2009
8	Đại học Huế	Vật lý	Đại học Virginia, Hoa Kỳ	2006-2007
9	Đại học Đà Nẵng	Kỹ thuật điện tử	Đại học Washington, Bang Washington, Hoa Kỳ	2006-2007
10	Đại học Đà Nẵng	Hệ thống nhúng	Đại học Washington, Bang Washington, Hoa kỳ	2008-2009
11	Đại học Thái Nguyên	Kỹ thuật Cơ khí	Đại học Bang New York at Buffalo, Hoa Kỳ	2008-2009
12	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính	Đại học Bang California - Long Beach, Hoa Kỳ	2006-2007
13	Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật cơ khí	Đại học Bang California, Chico, Hoa Kỳ	2006-2007

14	Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật và Khoa học vật liệu	Đại học Illinois at Urbana – Champaign, Hoa Kỳ	2006-2007
15	Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật hệ thống Y sinh	Đại học Duke – Durham, Hoa Kỳ	2008-2009
16	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Khoa học cây trồng	Đại học California – Davis, Hoa Kỳ	2006-2007
17	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Quản lý kinh doanh nông nghiệp	Đại học Wisconsin – Madison, Hoa Kỳ	2008-2009
18	Đại học Kiến trúc TP. HCM	Quy hoạch đô thị	Đại học Oxford Brookes, Đại học UK Hồng Kông, Erasmus Đại học Rotterdam	2008-2009
19	Đại học Nông Lâm TP. HCM	Khoa học và Công nghệ Thực phẩm	Đại học Cilifornia, Davis, Hoa Kỳ	2008-2009
20	Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật nguồn nước	Đại học Bang Colorado, Hoa Kỳ	2008-2009
21	Đại học Ngoại thương	Kinh tế Quốc tế	Đại học Bang Colorado, Hoa Kỳ	2008-2009
22	Đại học Giao thông Vận tải	Kỹ thuật giao thông và xây dựng	Đại học Leed, Vương Quốc Anh	2008-2009
23	Đại học Kiến trúc Hà Nội	Kiến trúc	Đại học Nottingham, Vương Quốc Anh	2008-2009

Qua thực hiện các Chương trình tiên tiến hiện nay cho thấy:

Trình độ tiếng Anh của sinh viên chưa tốt. Sự hiểu biết của sinh viên dường như tốt hơn khả năng giao tiếp; nếu sinh viên được chuẩn bị tiếng Anh tốt hơn thì kết quả học sẽ tốt hơn, đặc biệt nếu bài giảng do giáo viên bản ngữ tiếng Anh thực hiện. Trình độ tiếng Anh của giảng viên Việt Nam còn hạn chế.

Một khía cạnh khác về Chương trình tiên tiến cần thực hiện là việc thông báo rõ cho sinh viên biết tương lai của họ là gì. Điều này hình như không được các giảng viên Việt Nam quan tâm lắm.

Một vấn đề đáng lo ngại đối với Chương trình tiên tiến này là thiếu kinh phí để trang bị cho các phòng thí nghiệm đại học.

Một điểm khác cần được nhấn mạnh là cam kết đối với chương trình như thế này cần được thực hiện trên cơ sở lâu dài để có thể nhìn nhận được kết quả.

Điểm cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là việc quảng bá cho Chương trình tiên tiến còn hạn chế. Kỹ thuật hiện đại về quan hệ công chúng (PR) nên được giới thiệu cho các trường đại học thực hiện. Khi này, sẽ có nhiều sinh viên mong muốn tham gia chương trình hơn, kể cả sinh viên ở xa.

Những khó khăn khi sử dụng chương trình đào tạo của Hoa Kỳ, những điểm cần phải điều chỉnh cho phù hợp điều kiện Việt Nam và những cam kết cần thiết của hai bên

Khó khăn lớn nhất là không có đủ giảng viên đáp ứng cả hai tiêu chí: Dạy bằng tiếng Anh và giỏi chuyên môn. Khó khăn thứ hai là cân đầu tư lớn để xây dựng và nâng cấp các phòng thí nghiệm. Có một thực tế là thời lượng các môn học tại phòng thí nghiệm (thực hành) tại tất cả các trường đại học của Việt Nam nói chung rất thấp khi so sánh với các trường đại học của Hoa Kỳ. Sinh viên không có đủ phòng thí nghiệm hoặc thiết bị hiện đại để thực hành hoặc làm chủ các môn học lý thuyết. Do đó, dẫn đến kết quả năng lực yếu trong công tác nghiên cứu không chỉ đối với sinh viên mà cả đối với giáo viên.

Vì vậy, đối với vấn đề này cần phải:

- Tạo môi trường tốt hơn; tạo điều kiện tốt hơn cho cán bộ giảng dạy nâng cao trình độ nghề nghiệp, và nâng cao các kỹ năng tiếng Anh.
- Cho phép nhiều giảng viên trẻ từ các trường đại học Việt Nam được đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ tại các trường đại học nổi tiếng trên thế giới.
- Đầu tư nhiều hơn cho việc xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại.
- Xúc tiến cùng triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng giữa công nghiệp và trường đại học và giữa các trường đại học quốc tế và các trường đại học của Việt Nam. Điều này rất quan trọng trong việc hỗ trợ nhiệm vụ giáo dục và nâng cao năng lực của cán bộ giảng dạy và khả năng nghiên cứu của sinh viên.

Những vấn đề cần xem xét khi mời giáo sư Hoa Kỳ sang giảng dạy tại Việt Nam

Vấn đề này có liên quan nhiều tới các vấn đề nêu trên. Giáo sư Hoa Kỳ thường chỉ dành 2 tuần (thậm chí có khi chỉ 1 tuần) ở Việt Nam. Vì vậy rất khó cho sinh viên nắm vững kiến thức môn học (lý thuyết, phòng thí nghiệm, bài tập) trong một thời gian quá ngắn. Điều này rất khó giải quyết. Thông thường Giáo sư Hoa Kỳ là những người rất bận rộn với công việc tại trường đại học. Không dễ dàng để tuyển chọn những giáo sư giảng dạy những môn học cụ thể muốn sang giảng dạy tại Việt Nam. Hơn thế nữa, không có đủ tiền để chi trả mời giáo sư Hoa Kỳ (vì họ được trả tiền khi họ dạy ở trường của họ). Một giải pháp mang tính chất nhượng bộ là tìm kiếm và mời những giáo sư thực sự có mong muốn giúp đỡ và có nguyện vọng đến Việt Nam hoặc có những ngày nghỉ ngắn tại Việt Nam để dạy chương trình tiên tiến. Về nguyên tắc, phía Việt Nam phải chi vé máy bay, chỗ ở, sinh hoạt phí và chi phí giảng dạy. Đôi khi, một số giáo sư chỉ yêu cầu chi phí chỗ ở, sinh hoạt phí hoặc vé máy bay mà không đòi hỏi chi phí giảng dạy.

Do đó để giải quyết vấn đề này, cần chú trọng:

- Mời thêm nhiều giáo sư Hoa Kỳ từ các chương trình của Hoa Kỳ đang hỗ trợ Việt Nam như học giả trong Chương trình Fulbright, VEF...
- Đề nghị các giáo sư Hoa Kỳ dành ít nhất 1 tháng cho mỗi môn học tại trường Việt Nam
- Có thêm ngân sách (từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ hỗ trợ của Hoa Kỳ) để chi trả các chi phí.

Giảng viên hiện tại trong chương trình tiên tiến

Không thể triển khai Chương trình với 100% cán bộ giảng dạy của Hoa Kỳ. Những giáo sư Việt Nam thông thạo tiếng Anh và giỏi chuyên môn cũng được mời tham gia giảng dạy. Hiện tại, tỉ lệ Giáo sư Hoa Kỳ và Giáo sư Việt Nam là khoảng 70/30. Bộ Giáo dục và Đào tạo mong muốn

nâng cao năng lực của giảng viên Việt Nam thông qua chương trình này bằng việc yêu cầu các trường đang thực hiện chương trình tiên tiến phải luân lượt cử giảng viên tham gia chương trình sang Hoa Kỳ để nâng cao trình độ. Các trường đại học của Việt Nam được khuyến khích mời càng nhiều giảng viên Hoa Kỳ càng tốt trong giai đoạn đầu thực hiện chương trình tiên tiến. Đồng thời ngày càng có nhiều giáo sư Việt Nam được đào tạo để có thể giảng dạy chương trình này ở giai đoạn sau.

Mục tiêu và các nguyên tắc hợp tác trong tương lai

Những nguyên tắc cần được nhấn mạnh để hợp tác hai bên cùng có lợi trong chương trình tiên tiến

Một giả định quan trọng là chương trình đào tạo của Hoa Kỳ có thể được sử dụng thành công toàn diện và nhanh chóng trong bối cảnh Việt Nam nên được xem xét kỹ. Điều có thể phù hợp hơn là khi chúng ta đặt câu hỏi các chương trình đào tạo đã thành công ở Hoa Kỳ có thể được điều chỉnh như thế nào cho phù hợp thực tế và nhu cầu của Việt Nam nói chung và cho tổ bộ môn, khoa và trường liên quan nói riêng.

Cách tiếp cận chương trình tiên tiến có thể được mở rộng từ một tới ba cách sau:

1. Cách thứ nhất, hiện đã có: Giáo sư Hoa Kỳ dạy một phần hay phần lớn chương trình quan trọng của khóa học tại trường đại học của Việt Nam. Điều này có hiệu quả ở mức độ là nó sẽ giúp đáp ứng mục tiêu của một lớp học và một học kỳ trong một lần. Tuy nhiên, tiến triển của một môn học tại một thời điểm thì không hiệu quả đầy đủ để tác động làm thay đổi một đất nước đa dạng và rộng lớn như Việt Nam. Vì vậy, cách thứ 2 và cách thứ 3 là chú trọng yếu tố lâu dài và quan trọng phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy.

2. Cách thứ 2 và có lẽ hiệu quả nhất là đào tạo cán bộ giảng dạy. Trong mô hình này, các nhà giáo dục Hoa Kỳ làm việc với các nhà giáo dục Việt Nam phát triển và làm thích nghi cách tiếp cận của Hoa Kỳ nói chung, và lựa chọn nội dung chương trình cụ thể. Dù thời gian chỉ 4 tuần hay một học kỳ cũng đem lại hiệu quả nhiều hơn so với dành toàn bộ thời gian để giảng dạy trực tiếp cho sinh viên. Một khía cạnh quan trọng khác của quá trình này là để cho đối tác Hoa Kỳ giới thiệu những tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy và ngay cả trang thiết bị mới vào hệ thống giáo dục của Việt Nam. Văn hóa nghiên cứu, viết bài và công bố công trình, mặc dù không phải là ưu tiên hàng đầu của quan hệ hợp tác này, có thể nên đồng thời được tiến hành. Theo cách này, đổi mới chương trình có thể là một phần chủ yếu của quá trình đổi mới giáo dục Việt Nam, trong đó nhắm đến giải quyết vấn đề yếu về nghiên cứu khoa học và công bố nghiên cứu.

3. Cách thứ 3: Cách này tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam học tập tại các trường đại học Hoa Kỳ. Bên cạnh chương trình học sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quỹ Giáo dục dành cho Việt Nam, Quỹ học bổng Fulbright, ... có thể có sáng kiến cấp kinh phí cho chương trình tiên tiến nhằm đào tạo cán bộ giảng dạy và những sinh viên được tuyển chọn.

Kinh nghiệm tại các trường đại học Hoa Kỳ không phải là mục đích cuối cùng. Có rất nhiều bằng chứng là các học giả sau khi có bằng Tiến sĩ trở về Việt Nam tìm thấy rất ít sự giúp đỡ trong lĩnh vực nghiên cứu như trang thiết bị (đối với các ngành khoa học) hoặc thời gian (để viết). Chính vì vậy, nhiều người đã rời bỏ giới học giả để theo đuổi các mục đích khác chỉ sau một thời gian ngắn trở về Việt Nam. Đây là vấn đề trầm trọng. Để chương trình này hoàn thành mục đích tối

thượng là nâng cao chất lượng nghiên cứu và học thuật, cần có sự hỗ trợ liên tục tiếp theo đối với nghiên cứu sinh sau khi trở về để họ có kinh phí mua sắm dụng cụ nghiên cứu cũng như thời gian dành cho nghiên cứu. Những kết quả này sẽ có tác dụng đóng góp cho chương trình và toàn hệ thống giáo dục.

Đào tạo tiếng Anh có vị trí nổi bật trong báo cáo của Nhóm Chuyên trách là bộ phận không thể thiếu trong nỗ lực cải cách chương trình. Vấn đề này cần được xây dựng thành quy trình ở tất cả các cấp học. Việc tạm thời sử dụng giáo sư Hoa Kỳ trong lớp học của Việt Nam được hoan nghênh và là cơ hội vô cùng thách thức đối với sinh viên Việt Nam. Nhưng chìa khóa đi đến thành công là giúp tạo ra nhiều giáo sư Việt Nam có trình độ cao và giỏi tiếng Anh. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có một số cơ sở hạ tầng để đào tạo thông qua hợp tác với SEAMEO và các tổ chức tương đương. Ở đây có rất nhiều cơ hội mà Nhóm Chuyên trách sẽ cụ thể hóa.

Các chương trình Việt Nam nên chú ý

Dù trong lĩnh vực đào tạo nào, chương trình được chuyển giao cho Việt Nam cần bao gồm các môn học cơ sở. Các môn học này sẽ thúc đẩy phát triển các kỹ năng tư duy phê phán, giúp sinh viên có thể đưa ra các quyết định tốt hơn đối với tương lai của họ. Các ngành khoa học xã hội và nhân văn cần được đặc biệt quan tâm để giúp Việt Nam phát triển toàn diện. Bộ Giáo dục và Đào tạo nên dành thêm kinh phí cho các lĩnh vực này.

Thực hiện

Các bước tiếp theo cần chú ý trong sử dụng chương trình đào tạo của Hoa Kỳ

Hiện tại, Chương trình tiên tiến thiếu chiến lược điều phối và gắn kết nhằm thực hiện cải cách lâu dài trong toàn bộ hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam. Nó bao gồm một số các thỏa thuận giữa một số đơn vị học thuật cụ thể của mỗi nước. Tốt nhất là thành lập nhóm công tác song phương. Nhiệm vụ của Nhóm này là vạch ra kế hoạch điều phối phát triển đối tác và thực hiện. Các thành viên của Nhóm cùng nhau làm việc xác định sự hỗ trợ cho các khoa và trường đại học, và hoạch định các bước phù hợp tiếp theo.

Sau đây là đề xuất một vài quy trình. Đây là một quá trình lâu dài trong đó mỗi bước phải được giám sát, đánh giá thường xuyên thông qua cơ chế bình thường.

Đánh giá các chương trình hiện có tại Việt Nam: Các chuyên gia tư vấn Hoa Kỳ cần triển khai đánh giá kỹ chương trình đào tạo hiện tại và xác định các khoảng cách so với chuẩn quốc tế, sau đó đưa ra giải pháp khắc phục các khoảng cách này. Bước này yêu cầu nhóm chuyên gia đánh giá chương trình đào tạo các chuyên ngành khác nhau. Các chuyên gia đánh giá này sẽ xác định điểm mạnh và điểm yếu của chương trình và vạch kế hoạch cải tiến chương trình.

Khuyến khích đối tác Việt Nam thực hiện phần việc của mình. Dự án này có thể thực hiện tốt nhất mục tiêu của nó nếu đối tác Việt Nam xác định được các lĩnh vực họ quan tâm và bắt đầu triển khai. Tư vấn Hoa Kỳ có thể hướng dẫn khi cần thiết

- Tập trung chú ý tới việc cải tiến môi trường giảng dạy trong nước (đưa phương pháp giảng dạy mới vào trường học dựa trên việc phát triển giáo viên; giảm bớt giờ dạy; phát triển hệ thống đánh giá chất lượng; xác định giáo viên cần được đào tạo thêm; nâng cấp

hệ thống thư viện để đảm bảo rằng các nguồn tư liệu mới được cung cấp thường xuyên; chống tham nhũng; tăng lương, cũng như cơ cấu thưởng dựa trên thành tích).

- Cơ cấu lại hầu hết chương trình: Hiện tại, ít có môn học tự chọn; hầu hết các môn học đều là bắt buộc. Trong giai đoạn này, cần phải tập trung phát triển và cải tiến chương trình cơ bản cho mỗi chuyên ngành, hơn là quan tâm tới các chi tiết của chương trình. Điều này sẽ tạo cơ sở vững chắc cho thành công trong việc thực hiện chương trình tiên tiến.
- Đào tạo giáo viên: Việc đào tạo cần tập trung khuyến khích, động viên giáo viên nâng cao kỹ năng phương pháp giảng dạy để đáp ứng các đòi hỏi mới của nhà trường. Các đòi hỏi mới có thể bao gồm tài liệu hỗ trợ nghe nhìn, các tài liệu khác phục vụ giảng dạy, tài liệu tham khảo, bài tập ở nhà cho sinh viên... Có nhiều khả năng lựa chọn cho công tác đào tạo giáo viên, kể cả việc đưa giáo viên đi thực tập ở nước ngoài và mời tư vấn Hoa Kỳ sang Việt Nam.
- Nâng cấp trang thiết bị và công tác quản lý: Đây là một nhu cầu quan trọng trong việc nâng cấp máy móc, trang thiết bị. Có thể với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có kế hoạch cấp kinh phí hàng năm cho công tác quản lý, bảo dưỡng và mua sắm thiết bị mới.
- Xem xét lại quy trình phân bổ kinh phí cho các chương trình tiên tiến: Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá lại việc quản lý các chương trình hợp tác hiện có được cấp kinh phí. Cấp đầy đủ kinh phí là rất cần thiết để các trường đại học của Việt Nam và các đối tác Hoa Kỳ lập kế hoạch đầy đủ và triển khai chương trình đào tạo tiên tiến. Mặt khác cần tiến hành cung cấp thông tin đánh giá đến các trường đại học của Việt Nam và của Hoa Kỳ tham gia chương trình để họ có thể điều chỉnh chương trình đào tạo khi cần. Cần minh bạch hơn đối với các vấn đề trên để đảm bảo các chương trình tiên tiến hợp tác giữa các cơ sở đại học của Việt Nam và của Hoa Kỳ được thực hiện hiệu quả.

Những hạn chế trong cam kết về nguồn nhân lực, tài chính giữa trường đại học, Chính phủ và/hoặc doanh nghiệp Hoa Kỳ đối với chương trình tiên tiến

Các trường đại học của Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo mong muốn các trường đại học đối tác nước ngoài có những cam kết hỗ trợ mạnh mẽ nhiều mặt, kể cả tài chính, trong suốt quá trình thực hiện chương trình tiên tiến tại trường đại học Việt Nam.

Một số khác biệt cơ bản giữa các cơ sở giáo dục đại học của các nước đã cho thấy tại sao các mong muốn trên được thực hiện không dễ dàng.

Trường đại học Hoa Kỳ hoạt động dựa trên thành tích học thuật với công tác giảng dạy là một cấu phần của các hoạt động của học giả. Giảng dạy thường phản ánh sự quan tâm và kết quả nghiên cứu của học giả. Đề bạt, thăng tiến là mối quan tâm lớn đối với mọi học giả, khoa và trường. Vấn đề lớn nhất là trong việc đóng góp của giáo viên Hoa Kỳ đối với chương trình tiên tiến là mức độ cam kết của mỗi cá nhân tại Việt Nam làm tăng tiến bộ học thuật của cá nhân đó. Một vấn đề quan trọng khác là làm thế nào để có người đảm đương khối lượng công việc giảng dạy của các giáo viên Hoa Kỳ khi họ sang tham gia giảng dạy cho các chương trình tiên tiến tại Việt Nam. Thời gian 2 hoặc 4 tuần sẽ không hiệu quả bằng thời gian một học kỳ hoặc một năm. Đối với vị trí này, các giáo sư trong biên chế, trong nhiều trường hợp, sẽ là ứng cử viên tốt nhất làm việc tại Việt Nam.

Với các ứng cử viên phù hợp hiện có đã được xác định, thách thức lớn nhất là tài trợ kinh phí cho họ. Mỗi giáo sư có thể nộp đơn xin tài trợ của Fulbright hay học bổng phát triển nội bộ. Tuy

nhiên, điều này sẽ dẫn tới việc sắp xếp tham gia chỉ từng phần của chương trình tiên tiến. Cần phải thiết lập một hình thức tài trợ tổng thể hơn. Các nguồn tài trợ phù hợp nhất là tài trợ của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ trong đó Chính phủ Việt Nam đảm nhận phần lớn kinh phí.

Các công ty tư nhân trong nước và công ty đa quốc gia đang hoạt động hoặc có kế hoạch hoạt động tại Việt Nam cũng nên được tham khảo để có thể hỗ trợ cho các nỗ lực phát triển giáo dục tại Việt Nam. Công ty Emerson Electric và Công ty Intel là những công ty đã phối hợp với các tổ chức quốc tế hỗ trợ hệ thống giáo dục của Việt Nam. Các dự án hợp tác nghiên cứu giữa công nghiệp và các trường đại học sẽ cung cấp hỗ trợ lớn cho sự nghiệp phát triển giáo dục, nâng cao năng lực của giáo viên và năng lực nghiên cứu của sinh viên. Thành viên Công ty Intel trong Ban Tư vấn khẳng định rằng "Công nghiệp phải tự nguyện tạo ra các dự án cơ sở cho sinh viên", và nhấn mạnh thêm rằng phải tăng cường nâng cấp các phòng thí nghiệm hiện có và xây dựng các phòng thí nghiệm mới. Thành viên Công ty Emerson Electric trong Ban Tư vấn cho biết các biện pháp như vậy đã và đang được xem xét.

Công ty Emerson Electric ủng hộ và bảo lãnh các sáng kiến phát triển nguồn nhân lực, và có lịch sử thành công trong việc phát triển các chương trình với các trường đại học trên toàn thế giới. Cần chú trọng cải tiến chương trình đào tạo liên quan tới lĩnh vực công nghiệp. Hiện tại, Công ty Emerson Electric đang thảo luận với một trường đại học lớn của Việt Nam để thành lập một trung tâm nghiên cứu tại trường này. Trung tâm nghiên cứu này sẽ được trang bị công nghệ và thiết bị của Công ty Emerson Electric, có các kỹ sư của Công ty Emerson Electric đến cùng làm việc chặt chẽ với cán bộ giảng dạy và sinh viên trong các dự án do Công ty Emerson Electric tài trợ thông qua quỹ nghiên cứu. Hơn thế nữa, Công ty Emerson Electric sẽ làm việc chặt chẽ với trường đại học về chương trình đào tạo, xem xét các chương trình thực tập sinh và chương trình cấp học bổng.

TÓM TẮT BÁO CÁO CỦA BAN TƯ VẤN 3:

CHƯƠNG TRÌNH TIẾN SĨ CHO SINH VIÊN VIỆT NAM

Chủ tịch Ban Tư vấn 3:

- Allan E. Goodman, Chủ tịch, Giám đốc Điều hành, Viện Giáo dục Quốc tế
- Nguyễn Xuân Vang, Vụ Trưởng Vụ Phát triển Giáo dục Quốc tế Việt nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bối cảnh

- Để thực hiện một phần Chiến lược Phát triển Giáo dục Việt Nam đến 2020 và cố gắng thúc đẩy đổi mới toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo mong muốn xây dựng một thể hệ mới các giảng viên chất lượng cao phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu. Việt Nam đang đối mặt với những khó khăn trong việc thực hiện đổi mới hệ thống giáo dục đại học.
- Chương trình đổi mới giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo có 3 cấu phần chính cần thiết nhằm giải quyết các vấn đề sau: đào tạo tiến sĩ tại Việt Nam, tại Hoa Kỳ và tại các nước khác; cải tiến chương trình đào tạo tại các trường trọng điểm; và xây dựng một trường đại học mới chất lượng cao theo mô hình của Hoa Kỳ.
- Các chương trình và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể xây dựng dựa trên các sáng kiến nhằm thúc đẩy trao đổi giáo dục giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, bao gồm:
 - Mở rộng Chương trình Fulbright. Chương trình này đã tạo điều kiện cho hơn 700 sinh viên và học giả Việt Nam học tập tại Hoa Kỳ từ năm 1992.
 - Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright (FETP) mỗi năm đào tạo từ 55 đến 60 nhà quản lý bậc trung (mid-level) trong lĩnh vực kinh tế thị trường.
 - Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) đã cấp học bổng cho 270 người học tiến sĩ tại Hoa Kỳ kể từ năm 2003.
 - Tăng số lượng giáo viên tiếng Anh người Hoa Kỳ tại Việt Nam.
 - Tăng cường hợp tác liên kết giữa các trường đại học của Việt Nam và các trường đại học của Hoa Kỳ.
 - Tăng cường tư vấn giáo dục cho công dân Việt Nam mong muốn đi học tại Hoa Kỳ.

Kế hoạch đào tạo tiến sĩ tại Hoa Kỳ

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị đào tạo 2.500 tiến sĩ tại Hoa Kỳ trong kế hoạch đào tạo 20.000 tiến sĩ (một nửa đào tạo tại Việt Nam và một nửa đào tạo tại nước ngoài) trong thời gian hơn 10 năm tới.
- Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) hiện tại cấp kinh phí đào tạo khoảng 70 tiến sĩ tại Hoa Kỳ mỗi năm, nhưng chủ yếu trong các lĩnh vực khoa học cơ bản. Do vậy, Việt Nam đề nghị Hoa Kỳ hỗ trợ trong việc thiết lập một hệ thống nhằm xác định các trường đại học có giảm chi phí đào tạo hoặc tìm kiếm kinh phí đào tạo thêm 160 tiến sĩ mỗi năm.

- Các chương trình hiện tại của Việt Nam sẽ cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho một số học viên này.
- Các lĩnh vực ưu tiên phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy là kỹ thuật, công nghệ, khoa học, xây dựng, kiến trúc, kinh doanh và kinh tế.
- Một số người nhận học bổng sẽ được cử đi nước ngoài học lấy bằng thạc sĩ, tùy thuộc vào chuyên ngành, khả năng và mức độ chuẩn bị của ứng viên.
- Hầu hết nghiên cứu sinh thuộc các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam và đều phải có công văn của nhà trường ghi rõ rằng nhà trường sẽ tuyển dụng họ vào làm việc/giảng dạy sau khi tốt nghiệp về nước. Họ phải cam kết làm việc cho nhà trường từ 6 đến 12 năm. Những người khác sẽ được bố trí hoặc được hỗ trợ tìm kiếm một vị trí phù hợp tại một cơ sở giáo dục đại học với các điều kiện tương tự.

Những vấn đề Bộ Giáo dục và Đào tạo cần cân nhắc thêm để gia tăng mức độ thành công của chương trình

- Chương trình mới này có quy mô lớn gấp 10 lần so với chương trình Fulbright hiện nay và 3 lần so với Quỹ Giáo dục Việt Nam. Ban Tư vấn thấy rằng cần có các giải pháp để đảm bảo có thể đào tạo và chuẩn bị được 10.000 sinh viên đủ năng lực để được chấp nhận vào học các chương trình tiến sĩ mang tính chất cạnh tranh quốc tế ở nước ngoài.
- Cân nhắc những lĩnh vực khác có tính phù hợp cao đối với sự phát triển tương lai của Việt Nam gồm tài nguyên thiên nhiên, khoa học môi trường, và giáo dục (như quản trị đại học, xây dựng chương trình, tư vấn và tâm lý giáo dục, vv).
- Trong một số lĩnh vực nên tập trung đào tạo ở trình độ thạc sĩ; tạo nguồn thu hút ứng viên theo học tiến sĩ sau này tại Hoa Kỳ. Chi phí cơ hội để đào tạo một tiến sĩ trong khoảng thời gian 4-6 năm là rất lớn, là một khoảng thời gian rất dài để thu hồi được một khoản đầu tư như vậy.
- Phải có một quy trình tuyển chọn kỹ càng, công khai, và minh bạch; xác định được các ứng viên xuất sắc có thể nâng cao trình độ tiếng Anh của mình sau khi được tuyển chọn. Tổ chức đào tạo bồi dưỡng thêm cho các ứng viên tại Việt Nam trước khi đi du học.
- Thị thực cấp cho ứng viên tham gia chương trình này nên áp dụng loại J1, không nên dùng loại F1. Loại thị thực này bắt buộc sinh viên sau khi học phải về Việt Nam tối thiểu là 2 năm mới được quay lại Hoa Kỳ.
- Một thách thức là làm thế nào để thu hút các tiến sĩ mới được đào tạo trở về Việt Nam. Họ sẽ trở về Việt Nam nếu họ được theo đuổi công tác nghiên cứu trong lĩnh vực họ được đào tạo và nếu họ được trả lương để có cuộc sống ở mức trung lưu. Để có được các điều kiện này thì cần phải có đầu tư lớn cho phòng thí nghiệm, kinh phí cho các đề tài nghiên cứu, và những đổi mới về tiền lương, khối lượng giờ dạy và các điều kiện làm việc đồng thời phải động viên giảng viên cam kết lâu dài đối với công tác giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ.

Các khuyến nghị chiến lược

- Cần xác định toàn bộ chi phí cho kế hoạch này, trong đó cần nêu rõ số kinh phí do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp và số kinh phí cần huy động từ các nguồn khác.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chú ý nghiên cứu các mối quan hệ đối tác giữa trường đại học và doanh nghiệp khi xem xét các phương thức tài trợ cho chương trình này. Ngày càng có nhiều

mô hình liên kết hợp tác giữa nhà trường, nhà nước và doanh nghiệp ở các nước đang phát triển.

- Cần hiểu rõ bản chất phi tập trung đặc trưng của hệ thống giáo dục đại học Hoa Kỳ. Đặc biệt, những cân nhắc tính toán này cho biết sẽ phát triển quan hệ hợp tác với trường công hay tư cũng như khả năng chia sẻ chi phí (cost-share) của họ có khả thi hay không.
- Dẫu rằng đào tạo 2.500 tiến sĩ tại Hoa Kỳ là một phần của chương trình đào tạo 20.000 tiến sĩ và mặc dù Hoa Kỳ có hệ thống đại học rất tốt nhưng một điều quan trọng là cần phải xác định những lĩnh vực nào sẽ đào tạo tốt nhất tại Hoa Kỳ và những lĩnh vực nào sẽ đào tạo tốt nhất ở các nước khác.
- Cần xem xét cân nhắc toàn bộ các cơ sở đào tạo tiến sĩ ở Hoa Kỳ dự kiến sẽ gửi người nhận học bổng đi đào tạo. Nên tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo này trên cơ sở các mối quan hệ hợp tác hiện có và phát triển các quan hệ hợp tác mới giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học Hoa Kỳ.
- Nếu có một quy trình đăng ký trực tuyến (on-line) dễ tiếp cận có đầy đủ hướng dẫn chi tiết và hỗ trợ kỹ thuật thì sẽ tạo được sự cạnh tranh giữa các ứng viên.
- Quy trình tuyển chọn cạnh tranh cần phải rõ ràng, minh bạch, dựa trên kết quả học tập quy định rõ các điều kiện và tiêu chuẩn yêu cầu, bao gồm:
 - *Mục đích học/cam kết khi nhận học bổng*: Đây là một bài luận có tính thuyết phục của ứng viên trình bày các mục tiêu học tập, nghiên cứu rõ ràng, phù hợp với mục đích của chương trình và cam kết của ứng viên khi nhận học bổng và cam kết quay về giảng dạy ở bậc đại học.
 - *Năng lực chuyên môn*: Ứng viên phải có trình độ chuyên môn vững căn cứ các môn đã học và bằng điểm; công trình nghiên cứu, các bài viết được công bố, xuất bản, giải thưởng và các thành tích chuyên môn; và một mẫu bài viết tốt để những người thụ lý hồ sơ có thể đánh giá khả năng theo học của ứng viên và đóng góp của họ đối với chương trình.
 - *Khả năng lãnh đạo trong tương lai*: Hội đồng tuyển chọn cần đưa ra ý kiến rõ nhận xét tại sao từng ứng viên được chọn lựa và khả năng đóng góp sau này của họ cho chương trình và lợi ích lâu dài của Việt Nam. Cần có thư giới thiệu ủng hộ ứng viên của những nhà chuyên môn biết tường tận về ứng viên.
 - *Các bài kiểm tra chuẩn*: Ứng viên cần thể hiện khả năng tiếng Anh theo kết quả thi TOEFL và điểm nói của GRE. Điểm GRE cao cũng rất cần, đặc biệt điểm phần toán học (quantitative) của GRE phải thật cao đối với tất cả các ngành khoa học và công nghệ.
- Để đảm bảo thành công được chấp nhận vào học tại các trường đại học Hoa Kỳ, sau khi trúng tuyển, ứng viên phải viết một bài luận bằng tiếng Anh (SoP) thật rõ ràng, cô đọng và chuẩn xác đảm bảo mục đích học tập và nghiên cứu của mình thật phù hợp với giáo sư hướng dẫn của Hoa Kỳ.
- Để đảm bảo ứng viên được chấp nhận học tại các trường đại học của Hoa Kỳ, điều quan trọng là cần phải cung cấp các dịch vụ tư vấn chuyên môn và hỗ trợ ứng viên trong suốt các giai đoạn chuẩn bị, nghiên cứu, và nộp đơn đăng ký học. Quá trình này phải được can thiệp sớm để giúp các ứng viên xác định được 5 đến 6 chương trình phù hợp nhất đối với yêu cầu của họ, đồng thời giúp họ nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh và các kỹ năng học tập nhất định (như phương pháp định tính đối với những ứng viên tiến sĩ học về kinh doanh và kinh tế).

Khả năng cạnh tranh ở bậc học tiến sĩ nói chung và ở các ngành khoa học sinh học và chuyên môn như kinh doanh, chính sách công và luật rất cao và do vậy các ứng viên phải có trình độ cao nhất. Sau khi nhập học, cần thiết phải liên tục theo dõi tiến bộ học tập của ứng viên.

- Để chuẩn bị cho nhiều ứng viên đi học tiến sĩ ở Hoa Kỳ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể cần triển khai một chương trình quốc gia tổng thể để đưa nhiều giáo viên tiếng Anh bản ngữ hơn nữa đến Việt Nam giảng dạy TOEFL.
- Cũng cần có một dự toán thực tế về kinh phí tài trợ cho ứng viên. Đối với nhiều chương trình tiến sĩ, học phí sẽ giảm đáng kể sau khi học viên đã hoàn thành các môn học bắt buộc. Bên cạnh đó, có thể thấy trước được rằng một số trường đại học sẽ chia sẻ chi phí như miễn/giảm học phí, phí và thù lao trợ giảng. Hiện tại, mức chia chi phí trung bình là 15.000 đô-la Mỹ dự kiến có thể chấp nhận nhưng phụ thuộc rất nhiều vào từng ngành đào tạo và từng trường. Các hình thức trường đối tác hỗ trợ có thể gồm:
 - Học phí (toàn phần hoặc bán phần) cho 2 năm học đầu.
 - Hỗ trợ thêm sinh hoạt phí, hội nghị hoặc nghiên cứu.
 - Trợ giảng trong suốt thời gian học tiến sĩ.
 - Học bổng nghiên cứu ở những năm học cuối.
- Để có thể tiếp cận được các hình thức hỗ trợ tài chính như làm trợ giảng thì học viên phải có trình độ tiếng Anh tốt cũng như trình độ chuyên môn kỹ thuật tốt để có thể giảng dạy cho sinh viên đại học.
- Ban Tư vấn khuyến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét thành lập một hệ thống - có thể dưới hình thức các khóa học hè - để thúc đẩy giao lưu quan hệ giữa nghiên cứu sinh tiến sĩ và hoạt động học thuật tại Việt Nam. Một khả năng có thể thực hiện là giáo sư ở các trường đại học Hoa Kỳ tham gia chương trình này giảng dạy tại các khóa học hè này tại Việt Nam và nghiên cứu sinh tiến sĩ Việt Nam tham gia học và làm trợ giảng. Điều này sẽ nâng cao được chất lượng và đóng góp và việc đổi mới giáo dục đại học Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể xem xét tạo điều kiện cho cán bộ giảng dạy đã được đào tạo tại Hoa Kỳ duy trì mối quan hệ nghiên cứu và học thuật với đồng nghiệp tại Hoa Kỳ, và như vậy việc cam kết giảng dạy 6 đến 12 năm ở Việt Nam không còn là cam kết kém hấp dẫn khi đăng ký xin học bổng. Cũng có thể xem xét tạo cơ hội cho họ trở lại Hoa Kỳ nghiên cứu 1 năm sau 5 năm phục vụ giảng dạy ở Việt Nam.

TÓM TẮT BÁO CÁO CỦA BAN TƯ VẤN 4:

ĐÀO TẠO TIẾNG ANH

Chủ tịch Ban Tư vấn 4:

- Anthony (Bud) Rock, Phó Chủ tịch về Hội nhập Toàn cầu, Trường Đại học Bang Arizona
- Trần Bá Việt Dũng, Vụ Trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tầm quan trọng của các kỹ năng tiếng Anh đối với Việt Nam

Tiếng Anh được biết đến như một ngôn ngữ toàn cầu. Trong cuốn sách của mình, Tiếng Anh một ngôn ngữ toàn cầu, Crystal (1977, Nhà xuất bản Đại học Cambridge), đã chỉ ra rằng “một ngôn ngữ thực sự trở thành ngôn ngữ toàn cầu khi nó có vai trò được thừa nhận ở mọi nước”. Trên thế giới tiếng Anh thực hiện một trong 4 chức năng: ngôn ngữ bản địa, ngoại ngữ ưu tiên, ngôn ngữ chính thức và ngôn ngữ dành cho chuyên môn, học thuật và khoa học. Về phương diện này, David Nunan (2003, Tạp chí TESOL Quarterly) đã nêu “tiếng Anh hiện nay là ngôn ngữ không thể thay thế trong khoa học và công nghệ và đề cập đến nghiên cứu của những chuyên gia ngôn ngữ ứng dụng cho thấy rằng tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến nhất trong thông tin, báo chí và học thuật”.

Việt Nam cần một lực lượng lao động có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ toàn cầu trong kinh doanh, công nghệ và khoa học-kỹ thuật. Khi Việt Nam mở cửa đón nhận các công ty quốc tế đến Việt Nam đầu tư và đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế thế giới, những người lao động Việt Nam sẽ cần có kỹ năng tiếng Anh để cạnh tranh và phát triển, điều này áp dụng cả cho công nhân kỹ thuật và những nhà quản lý.

Trên thực tế Việt Nam đang có nhu cầu rất lớn về kỹ năng tiếng Anh nhưng nhu cầu sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu này đã thực sự được nhận biết và quan tâm tại Việt Nam chưa vẫn là một câu hỏi? Theo một báo cáo so sánh năm 2003 về kỹ năng tiếng Anh trong giáo dục tại 7 nước Châu Á Thái Bình Dương (Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Đài Loan và Việt Nam) thì Việt Nam vẫn còn đi sau một cách đáng kể về mặt thời lượng giảng dạy và lớp/bậc học được tiếp cận với tiếng Anh như một môn học bắt buộc. Mặc dù đã có nhận thức về nhu cầu giao tiếp bằng tiếng Anh nhưng trên thực tế cách giảng dạy phổ biến hiện nay lại tập trung vào ngữ pháp, tập đọc và học thuộc lòng tại các trường công.

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã xây dựng một Dự án "*Đổi mới và nâng cao hiệu quả việc giảng dạy và sử dụng tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam*" với mục tiêu biến tiếng Anh thành thế mạnh của người dân Việt Nam để tích cực, chủ động hội nhập quốc tế và khu vực, nâng cao tính cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam trong 10 năm tới. Điều này có nghĩa Việt Nam sẽ đi từ thứ hạng cuối cùng trong 7 nước nói trên về tiếng Anh trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương tiến lên thành một nước có thứ hạng và kết quả cao.

Những đề xuất của phía Việt Nam

1. Xây dựng các Trung tâm Đào tạo tiếng Anh tại các trường đại học của Việt Nam

1.1. Các trung tâm tiếng Anh sẽ thực hiện nhiều mục đích trong đó có:

- a. Tổ chức các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên đặc biệt cho trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học.
- b. Đào tạo ở bậc sau đại học những ngành TESOL, ngôn ngữ học, ngôn ngữ ứng dụng học.
- c. Tổ chức hoặc đăng cai những hội thảo khu vực cho giáo viên tiếng Anh.
- d. Luân phiên tổ chức các hội thảo tiếng Anh hàng năm cho giáo viên tại Việt Nam.
- e. Giới thiệu các phương pháp giảng dạy mới trên cả nước.

1.2. Hình thành mạng lưới giáo viên tiếng Anh cho giáo viên trung học phổ thông tại các tỉnh thành của Việt Nam

- a. Kết nối các giáo viên và các hoạt động, tổ chức các hội thảo bồi dưỡng giáo viên.
- b. Hình thành các câu lạc bộ cho giáo viên (câu lạc bộ đọc sách, câu lạc bộ nói tiếng Anh, câu lạc bộ điện ảnh).
- c. Giới thiệu các phương pháp giảng dạy tiếng Anh mới.
- d. Hỗ trợ giáo viên các bộ môn xây dựng chương trình và chọn lựa tài liệu đối với những môn như toán học, hóa học, vật lý, tin học giảng dạy bằng tiếng Anh.
- e. Khuyến khích đổi mới chương trình, lựa chọn, thiết kế và phát triển tài liệu, giáo trình.

2. Gửi các giảng viên Việt nam sang Hoa Kỳ đào tạo nâng cao trình độ.

2.1. Trong vòng 10 năm tới, mỗi năm cử 20 nghiên cứu sinh sang Hoa Kỳ học tập:

- a. Để tham gia chương trình học tiếng Anh chuyên sâu tại các trường đại học.
- b. Tới các khoa của các trường đại học Hoa Kỳ học các ngành:
 - Ngôn ngữ và ngôn ngữ ứng dụng học.
 - Tri nhận ngôn ngữ tiếng Anh.
 - Thiết kế và thực hiện chương trình giảng dạy

2.2. Gửi giảng viên Việt Nam giảng dạy bằng tiếng Anh trong các Chương trình Tiên tiến sang Hoa Kỳ.

- a. Tham gia chương trình tiếng Anh chuyên sâu 16 tuần tại các trường đại học của Hoa Kỳ.
- b. Gặp gỡ các đồng nghiệp để nghiên cứu học tập.

2.3. Cử những giảng viên trẻ có nhiều triển vọng tới các trường đại học Hoa Kỳ

- a. Trao đổi kinh nghiệm với các đồng nghiệp và nghiên cứu, thuyết trình bằng tiếng Anh.
- b. Tham gia chương trình 16 tuần để nâng cao những kỹ năng về tiếng Anh và phương pháp giảng dạy.

3. Đổi mới phương pháp sư phạm, chương trình, kiểm tra và đánh giá trong đào tạo tiếng Anh

3.1. Đổi mới phương pháp sư phạm, chương trình, kiểm tra và đánh giá trong đào tạo tiếng Anh.

- a. Cần xây dựng phương pháp sư phạm dạy tiếng Anh mới bao gồm cả nhu cầu giao tiếp ở nơi làm việc.
- b. Tiếp tục đẩy mạnh phương pháp giảng dạy giao tiếp.

- c. Chú trọng đến khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ trong thi tuyển sinh vào đại học.
- 3.2. Thực hiện dạy tiếng Anh cho các lớp thấp hơn và lứa tuổi nhỏ hơn trong các trường học.
 - 3.3. Tăng số giờ học tiếng Anh.
 - 3.4. Giảm sĩ số các lớp tiếng Anh ở tất cả các cấp, bậc học.
 - 3.5. Đưa ra yêu cầu TOEFL tối thiểu đối với đầu vào các trường đại học của Việt Nam giảng dạy bằng tiếng Anh.
 - a. Sinh viên sau đại học (80 iBT/213 CBT/550 PBT)
 - b. Sinh viên đại học (61 iBT/133 CBT/500 PBT)
 - 3.6. Đưa ra yêu cầu TOEFL tối thiểu cho các thí sinh đăng ký vào các trường dạy bằng tiếng Anh và có các chương trình tiếng Anh tăng cường cho sinh viên
 - a. Sinh viên sau đại học (71 iBT/197 CBT/ 527 PBT).
 - b. Sinh viên đại học (53 iBT/ 153 CBT/477 PBT)

4. Gửi các chuyên gia đến các cơ sở tiếng Anh chuyên ngành ở Hoa Kỳ để học tiếng Anh cho các mục đích chuyên ngành

- a. Điều dưỡng viên Việt Nam có thể học tiếng Anh và các tiêu chuẩn y tế quốc tế để phục vụ cho các bệnh viện quốc tế sẽ được xây dựng tại Việt Nam.
- b. Các phi công và kỹ thuật viên Việt Nam có thể học tiếng Anh chuyên ngành hàng không.
- c. Các kỹ sư Việt Nam có thể thực hành và nâng cao tiếng Anh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

5. Phát triển, mua bán, nâng cao các sản phẩm đào tạo tiếng Anh qua mạng

- 5.1. Xây dựng, mua, khuyến khích những sản phẩm Tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai trên mạng
 - a. Các trang web, các chương trình học cho thiết bị di động (podcasts).
 - b. Đào tạo trực tuyến.
 - c. Các trang web học tiếng Anh.
 - d. Học tiếng Anh theo thức một thầy – một trò qua mạng SKYPE hoặc công nghệ hình ảnh, âm thanh khác (face to face or voice to voice).
 - e. Phòng máy “chat” bằng tiếng Anh trên mạng.
- 5.2. Xây dựng, mở rộng và khuyến khích các chương trình tiếng Anh trên truyền hình và đài phát thanh
 - a. Có chương trình giảng dạy tiếng Anh trên truyền hình và đài phát thanh cho mọi đối tượng.
 - b. Phim và nhạc có phụ đề tiếng Anh trên truyền hình Việt Nam.

TÓM TẮT BÁO CÁO CỦA BAN TƯ VẤN 5: KIỂM ĐỊNH VÀ KHẢO THÍ

Chủ tịch ban Tư vấn 5:

- Tom VanEssen, Giám đốc Điều hành, Khoa Nghiên cứu, Tổ chức Thi tiếng Anh (ETS)
- Trần Văn Nghĩa, Vụ phó Vụ Kiểm định và Khảo thí, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mục đích của công tác kiểm định chất lượng giáo dục là đảm bảo và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục. Đánh giá chất lượng một cách khách quan là cần thiết để Chính phủ, các quỹ, các doanh nghiệp, các nguồn khác xác định mức hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục đại học. Kết quả kiểm định với độ tin cậy cao cũng là những thông tin quan trọng đối với sinh viên đăng kí vào học tại các trường, các công ty, các cơ quan chính phủ và các tổ chức tuyển dụng sinh viên khác cũng như đối với cộng đồng nói chung. Kiểm định không nhằm mục đích xếp hạng các trường đại học mà nhằm mục đích thúc đẩy các trường đại học cung cấp được một dịch vụ đào tạo đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các mục tiêu đã đề ra.

Xây dựng một hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam dựa trên các tiêu chí học thuật, khách quan, hiệu quả là một phần quan trọng của tiến trình đổi mới giáo dục đại học nhằm phục vụ các mục tiêu quốc gia đã đề ra và làm cho giáo dục đại học Việt Nam có thể cạnh tranh hiệu quả với các hệ thống giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới. Hoa Kỳ có nhiều kinh nghiệm hay về kiểm định chất lượng đại học mà Việt Nam có thể tham khảo và áp dụng trong việc xây dựng hệ thống kiểm định giáo dục đại học và đánh giá chất lượng giáo dục đại học Việt Nam.

Các đặc điểm của hệ thống kiểm định ở Hoa Kỳ

- 1) Kiểm định ở Hoa Kỳ là tự nguyện, phi chính phủ. Việc đánh giá chất lượng các chương trình giáo dục và các cơ sở giáo dục được dựa trên sự nhận xét, đánh giá đầy đủ, khách quan, công khai của đồng nghiệp. Quá trình này yêu cầu phải có một hệ thống các tổ chức kiểm định và một đơn vị điều phối có trách nhiệm giám sát hoạt động của các tổ chức kiểm định đó. Với Hoa Kỳ, chức năng quản lý đó do Hội đồng Kiểm định Giáo dục Đại học (CHEA) đảm nhiệm.
- 2) Có một quy trình công nhận và xác nhận các tổ chức kiểm định có khả năng tiến hành quá trình kiểm định nói trên. Ở Hoa Kỳ, kiểm định là hoạt động hoàn toàn tự nguyện, không thuộc chính phủ của cộng đồng học thuật, nhưng trong khu vực công, chính quyền liên bang có chức năng công nhận các tổ chức có đủ tư cách pháp nhân để tiến hành kiểm định; trong khu vực tư nhân, chức năng công nhận này là của cộng đồng học thuật. Trong cộng đồng học thuật, CHEA là cơ quan điều phối giám sát sự công nhận và hoạt động của các tổ chức kiểm định. Bộ Giáo dục Hoa Kỳ thực hiện vai trò công nhận của Chính phủ.
- 3) Có các chính sách quy định vai trò, trách nhiệm và các mối quan hệ giữa chính quyền liên bang, cơ quan điều phối học thuật và các tổ chức kiểm định.

- 4) Có các chính sách quy định mối quan hệ giữa các tổ chức kiểm định và các trường được kiểm định.
- 5) Có các tiêu chuẩn kiểm định xác định một cách rõ ràng các chuẩn, theo đó các trường sẽ được đánh giá và trên các cơ sở đó công nhận hay không công nhận trường đạt tiêu chuẩn kiểm định.

Để xây dựng hệ thống kiểm định ở Việt Nam, tạo điều kiện để đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng đại học, cần phải triển khai các bước sau:

- 1) CHEA có thể là một tổ chức phù hợp nhất để điều phối sự tham gia của phía Hoa Kỳ trong nỗ lực hợp tác để xây dựng hệ thống kiểm định của Việt Nam, thu hút sự tham gia của các cán bộ phù hợp của CHEA và của các tổ chức kiểm định, các trường cao đẳng, đại học. Việt Nam có thể chỉ định một nhóm cán bộ để làm việc với nhóm của Hoa Kỳ thực hiện quá trình này.
- 2) Trước hết, hai nhóm có thể làm việc phối hợp với nhau để thiết kế cấu trúc của hệ thống kiểm định cũng như các văn bản cần thiết để thực thi và hướng dẫn hoạt động của hệ thống. Nhóm Việt Nam có thể chuẩn bị các tài liệu, và nhóm Hoa Kỳ có thể tư vấn và hướng dẫn trong việc giúp đỡ hoàn thiện các văn bản để đạt được mục tiêu đề ra.
- 3) Cần triển khai công tác đào tạo ở hai lĩnh vực chính:
 - Đào tạo cán bộ để xây dựng, quản lý các cơ quan kiểm định và vận hành hệ thống kiểm định,
 - Đào tạo cán bộ quản lý và giảng viên để tiến hành quá trình đánh giá đồng cấp (peer-review).
- 4) Ngân sách cần thiết để thực hiện các hoạt động này sẽ phải được xác định.

Kết luận: Bản đề nghị này chỉ bao gồm những điểm cơ bản trong nội dung hợp tác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam để xây dựng một hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục ở Việt Nam. Nhiều khía cạnh của kế hoạch thực hiện dựa trên bản đề nghị này cần được tiếp tục thảo luận.

TÓM TẮT BÁO CÁO CỦA BAN TƯ VẤN 6:

QUAN HỆ ĐỐI TÁC GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP

Điều phối Ban Tư vấn:

- Rick Horward, Tổng Giám đốc, Công ty Intel Việt nam
- Nguyễn Văn Ngữ, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Kế hoạch, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu của quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và thỏa mãn nhu cầu của các công ty quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam.

Sinh viên tốt nghiệp các trường đại học của Việt Nam mạnh về lý thuyết nhưng thiếu kỹ năng thực tiễn và kinh nghiệm. Mỗi quan hệ chặt chẽ giữa các trường đại học và các doanh nghiệp sẽ giúp các trường đại học cải tiến chương trình đào tạo, tạo cơ hội cho sinh viên có được kinh nghiệm thực tế, củng cố kỹ năng và giúp sinh viên có được việc làm tốt sau khi tốt nghiệp.

Một số công ty của Hoa Kỳ như Cisco, Intel Việt Nam, General Electric đã hỗ trợ cải thiện nguồn nhân lực thông qua việc cung cấp tư vấn nghề nghiệp, các chương trình bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học, và các chương trình đào tạo giáo viên. Các công ty này cũng nhận sinh viên đến thực tập để giúp sinh viên làm quen với môi trường doanh nghiệp và phát triển các kỹ năng căn bản.

Khuyến nghị:

Ngoài việc tăng cường mối liên kết giữa các trường đại học và các doanh nghiệp, các trường đại học của Việt Nam cũng cần:

1. Đổi mới các chương trình đào tạo và bồi dưỡng. Bảo đảm các chương trình đào tạo duy trì được sự cân đối thích hợp giữa lý thuyết và thực hành và có kinh nghiệm thực tế thông qua thực tập tại doanh nghiệp.
2. Nâng cao chuẩn tiếng Anh.
3. Khuyến khích sinh viên đại học có ý định làm việc trong các ngành công nghiệp tham gia giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp như một phần trong chương trình đào tạo.
4. Cải tiến chế độ lương cho giáo sư đại học và đảm bảo họ được thăng tiến theo chất lượng giảng dạy chứ không phải theo số lượng giờ giảng.
5. Xây dựng chương trình kiểm định giáo dục đại học độc lập.
6. Tăng cường cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tại các trường đại học nhằm tạo ra môi trường và điều kiện học tập tốt hơn.

Các khuyến nghị cụ thể nhằm khuyến khích các doanh nghiệp Hoa Kỳ tăng cường mối quan hệ hợp tác với các trường đại học Việt Nam

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo nên tổ chức hội thảo thường niên với các đối tác là doanh nghiệp lớn nhằm nắm bắt nhu cầu của các doanh nghiệp.
2. Về việc áp dụng công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên xem xét hợp tác với Bộ Thông tin và Truyền thông để đánh giá việc áp dụng công nghệ thông tin và đề lập kế hoạch xây dựng mạng lưới giáo dục quốc gia. Sinh viên cần phải được tiếp cận với công nghệ và các công cụ càng sớm càng tốt.
3. Khởi động các chương trình phối hợp giữa các trường đại học và doanh nghiệp nhằm tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng lý thuyết vào các vấn đề thực tiễn trong môi trường làm việc hiện đại.
